

|   |           |
|---|-----------|
| <b>PH N M U</b> .....   | <b>4</b>  |
| <b>Ch ng I. NH NGH A CÁC THU T NG TRONG I UL</b> .....                      | <b>4</b>  |
| i u 1. nh ngh a .....   | 4         |
| <b>Ch ng II. TÊN, HÌNH TH C, TR S , CHI NHÁNH, V N PHÒNG</b>                |           |
| <b>I DI N VÀ TH I GIAN HO T NG C A CÔNG TY</b> .....                        | <b>5</b>  |
| i u 2. Tên, hình th c, tr s , chi nhánh, v n phòng i di n và th i gian ho t |           |
| ng c a Công ty.....   | 5         |
| <b>Ch ng III. M C TIÊU, PH M VI KINH DOANH VÀ HO T NG</b>                   |           |
| <b>C A CÔNG TY</b> .....  | <b>6</b>  |
| i u 3. M c tiêu c a Công ty .....   | 6         |
| i u 4. Ph m vi kinh doanh và ho t ng .....                                  | 7         |
| <b>Ch ng IV. V N I UL , C PH N, C ÔNG SÁNG L P</b> .....                    | <b>7</b>  |
| i u 5. V n i ul , c ph n, c ông sáng l p .....                              | 7         |
| i u 6. C phi u.....   | 8         |
| i u 7. Chuy n nh ng c ph n.....   | 9         |
| i u 8. Thu h i c ph n.....  | 10        |
| <b>Ch ng V. C C UT CH C, QU N LÝ VÀ KI M SOÁT</b> .....                     | <b>10</b> |
| i u 9. C c ut ch c qu n lý.....   | 11        |
| <b>Ch ng VI. C ÔNG VÀ I H I NG C ÔNG</b> .....                              | <b>11</b> |
| i u 10. Quy nh n c a c ông Công ty .....                                    | 11        |
| i u 11. Ngh a v c a các c ông.....  | 12        |
| i u 12. i h i ng c ông .....  | 12        |
| i u 13. Quy n và nhi m v c a i h i ng c ông .....                           | 13        |
| i u 14. Các i di n c u quy n.....   | 14        |
| i u 15. Thay i các quy n.....   | 15        |
| i u 16. Tri ut p i h i ng c ông, Ch ng trình h p và Thông báo .....         | 15        |
| i u 17. Các i u ki n t i n hành h p i h i ng c ông và l p Biên b n i        |           |
| h i ng c ông.....   | 16        |
| i u 18. Phê chu n các ngh quy t thông qua hình th c g i v n b n.....        | 19        |
| <b>Ch ng VII. H I NG QU N TR</b> .....                                      | <b>19</b> |
| i u 19. Thành ph n và nhi m k .....   | 19        |

|  |           |
|--|-----------|
| i u 20. Quy n h n và nhi m v c a H i ng Qu n tr .....  | 21        |
| i u 21. Ch t ch H i ng Qu n tr và thành viên H i ng Qu n tr .....                                | 23        |
| i u 22. Thành viên H i ng Qu n tr thay th .....  | 23        |
| i u 23. Các cu c h p c a H i ng Qu n tr .....  | 24        |
| <b>Ch ng VIII. T NG GIÁM C, CÁN B QU N LÝ KHÁC VÀ TH</b>   |           |
| <b>KÝ CÔNG TY .....</b>  | <b>27</b> |
| i u 24. T ch c b máy qu n lý.....  | 27        |
| i u 25. Cán b qu n lý .....  | 27        |
| i u 26. B nhi m, mi n nhi m, nhi m v và quy n h n c a T ng Giám c ...                            | 28        |
| i u 27. Th ký Công ty .....  | 29        |
| <b>Ch ng IX. NHI M V C Y THÁC C A THÀNH VIÊN H I</b>   |           |
| <b>NG QU N TR , T NG GIÁM C VÀ CÁN B QU N LÝ.....</b>  | <b>30</b> |
| i u 28. Trách nhi m c n tr ng c a thành viên H i ng Qu n tr , T ng Giám c và cán b qu n lý ..... | 30        |
| i u 29. Trách nhi m trung th c và tránh các xung t v quy n l i.....                              | 30        |
| i u 30. Trách nhi m và b i th ng.....  | 31        |
| <b>Ch ng X. BAN KI M SOÁT .....</b>  | <b>32</b> |
| i u 31. B nhi m Ban ki m soát .....  | 32        |
| <b>Ch ng XI. QUY N I U TR A S SÁCH VÀ H S C A CÔNG TY ..</b>                                     | <b>34</b> |
| i u 32. Quy n i u tra s sách và h s .....  | 34        |
| <b>Ch ng XII. NG I LAO NG VÀ CÔNG OÀN.....</b>   | <b>34</b> |
| i u 33. Ng i lao ng và Công oàn .....  | 34        |
| <b>Ch ng XIII. PHÂN CHIA L I NHU N.....</b>  | <b>34</b> |
| i u 34. C t c.....   | 35        |
| <b>Ch ng XIV. TÀI KHO N NGÂN HÀNG, QU D TR , N M TÀI</b>   |           |
| <b>CHÍNH VÀ H TH NG K TOÁN.....</b>  | <b>36</b> |
| i u 35. Tài kho n ngân hàng .....  | 36        |
| i u 36. Qu d tr b sung v n i u l .....   | 36        |
| i u 37. N m tài chính.....   | 36        |
| i u 38. H th ng k toán .....   | 36        |

|  |           |
|--|-----------|
| <b>Ch  ng XV. BÁO CÁO HÀNG NĂM, TRÁCH NHIỆM CÔNG B</b>                                 |           |
| <b>THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG .....</b>  | <b>37</b> |
| điều 39. Báo cáo hàng năm .....  | 37        |
| điều 40. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng .....                            | 37        |
| <b>Ch  ng XVI. KẾ M TOÁN CÔNG TY .....</b>   | <b>37</b> |
| điều 41. Kế m toán .....   | 37        |
| <b>Ch  ng XVII. CON D  U.....</b>  | <b>38</b> |
| điều 42. Con d  u.....   | 38        |
| <b>Ch  ng XVIII. CH  M D  THO  T  NG VÀ THANH LÝ .....</b>                             | <b>38</b> |
| điều 43. Ch  m d  tho  t  ng .....   | 38        |
| điều 44. Tr  ng h  p b  t c gi  a các thành viên H  i  ng Qu  n tr  và c  ông..        | 38        |
| điều 45. Thanh lý.....   | 39        |
| <b>Ch  ng XIX. GI  I QUY  T TRANH CH  P N  I B  .....</b>                              | <b>39</b> |
| điều 46. Gi  i quy  t tranh ch  p n  i b  .....  | 39        |
| <b>Ch  ng XX. S  A  I  I  UL  .....</b>  | <b>40</b> |
| điều 47. B  sung, s  a  i  i  ul  .....  | 40        |
| <b>Ch  ng XXI. NGÀY HI  UL  C  .....</b>   | <b>40</b> |
| điều 48. Ngày hi  ul  c  .....   | 40        |
| điều 49. Ch  ký c  a Ng  i  i di  n pháp lu  t.....                                    | 43        |
| <b>Ph  l  c 01. Danh sách c  ông sáng l  p Công ty c  ph  n C  khí  i  n l  c.....</b> | <b>44</b> |

## PH N M U

i u l này c a Công ty c ph n C khí i n l c (d i ây g i là “Công ty”) là c s pháp lý cho t ch c, qu n lý và i u hành ho t ng kinh doanh c a Công ty thu c lo i hình công ty c ph n, c thành l p theo Lu t Doanh nghi p và theo Quy t nh c a B tr ng B Công nghi p. i u l , các quy nh c a Công ty, các ngh quy t c a i h i ng c ông và H i ng Qu n tr n u ã c thông qua m t cách h p l , phù h p v i qui nh c a pháp lu t, tr thành nh ng quy t c và quy nh ràng bu c các ho t ng kinh doanh c a Công ty.

i u l này c phê chu n b i i h i ng c ông thành l p Công ty, chuy n t doanh nghi p nhà n c (Nhà máy c khí Yên Viên) thành Công ty c ph n C khí i n l c. i u l này c thông qua b i Ngh quy t c a i h i ng c ông Công ty c t ch c chính th c vào ngày 11 tháng 3 n m 2005 và c s a i, b sung theo:

- Ngh quy t i h i ng c ông th ng niên 2007 c t ch c vào ngày 25 tháng 3 n m 2007;

- Ngh quy t i h i ng c ông th ng niên 2008 c t ch c vào ngày 30 tháng 3 n m 2008;

- Ngh quy t i h i ng c ông th ng niên 2009 c t ch c vào ngày 29 tháng 3 n m 2009;

### Ch ng I NH NGH A CÁC THU T NG TRONG I U L

#### **i u 1. nh ngh a**

1.1. Tr tr ng h p các i u kho n ho c ng c nh c a i u l này quy nh khác, nh ng thu t ng sau ây c hi u nh sau:

a. “H i ng” có ngh a là H i ng Qu n tr c a Công ty.

b. “ a bàn kinh doanh” có ngh a là lãnh th Vi t Nam và n c ngoài.

c. “V n i u l ” có ngh a là v n do t t c các c ông óng góp và quy nh t i i u 5 c a i u l này.

d. “Lu t Doanh nghi p” có ngh a là Lu t Doanh nghi p c Qu c h i n c C ng hòa Xã h i Ch ngh a Vi t Nam thông qua ngày 29 tháng 11 n m 2005.

e. “Ngày thành l p” có ngh a là ngày Công ty c c p Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh.

g. “Pháp lu t” có ngh a là t ng th các quy t c x s do Nhà n c ban hành ho c th a nh n, c m b o th c hi n b ng Nhà n c, ã c công khai hoá và ang có hi u l c thi hành, nh m i u ch nh các quan h phát sinh trong quá trình t ch c, qu n lý ho t ng kinh doanh c a doanh nghi p.

h. “Cán b qu n lý” có ngh a là T ng Giám c, Phó T ng Giám c, K toán tr ng, và các cán b khác c H i ng Qu n tr ch nh làm cán b qu n lý c a Công ty.

i. “Nhưng người liên quan” có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào quy định trong khoản 17, điều 4 của Luật Doanh nghiệp.

j. “Công” có nghĩa là mệnh nhân hay pháp nhân ghi tên trong Sổ đăng ký công việc cách là người sở hữu phần của Công ty.

k. “Thị trường” có nghĩa là thị trường hoạt động của Công ty quy định tại điều 2 của Điều này và thị trường gia hạn theo xu hướng của Hội đồng Quản trị và hội đồng quản lý phê chuẩn.

1.2. Trong Điều này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế chúng.

1.3. Các tiêu chuẩn vào nhóm tối ưu kỹ thuật nêu lên cho việc theo dõi và không những tăng tiến các điều này.

1.4. Các điều khoản thực hành của những nghĩa trong Điều này thì những điều kiện áp dụng theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan (nếu không mâu thuẫn với chức năng của nó).

## Chương II

### TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH VÀ THỊ TRƯỜNG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng điều hành và thị trường hoạt động của Công ty

2.1. Tên Công ty:

Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VIỆT NAM**

Tên tiếng Anh: **POWER ENGINEERING JOINT - STOCK COMPANY**

Tên giao dịch viết tắt: **PEC**

2.2. Công ty cổ phần Cơ khí Việt Nam có tổ chức pháp nhân phù hợp với pháp luật Việt Nam.

2.3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

Địa chỉ: số 150 Hà Huy Tập, phường Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Số điện thoại: (84)(4)3827-1498

Fax: (84)(4)3827-1731

Email: [ckdl@vnn.vn](mailto:ckdl@vnn.vn)

Website: [www.pecvn.com.vn](http://www.pecvn.com.vn)

2.4. Tổng Giám đốc là điều hành theo pháp luật của Công ty.

2.5. Công ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng điều hành tại các bàn kinh doanh theo hình thức của Công ty, phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.

2.6. Trường hợp mở đợt tăng vốn theo điều 43.2 và điều 44 của Điều này, thị trường hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu ngày thành lập và kéo dài vô hạn.

## **Chương III**

### **M C TIÊU, PH M VI KINH DOANH VÀ HO T NG C A CÔNG TY**

#### **Đ i u 3. M c tiêu c a Công ty**

##### **3.1. Lĩnh v c kinh doanh:**

Công ty ho t ng s n xu t, kinh doanh theo quy nh c a pháp lu t, bao g m các ngành ngh sau:

- S n xu t, mua bán các c u ki n thép, s t thép cho xây d ng (d m c u thép, xà, thanh gi ng, các c t tháp, c t ng ten truy n hình, c t i n b ng thép m k m có c p i n áp n 500kV, k t c u thép, thi t b phi tiêu chu n c a các nhà máy thu i n và nhi t i n) và kim lo i m u;

- S n xu t thi t b phân ph i i n (ph ki n ng dây và tr m cao, trung và h th );

- Xây d ng công trình công nghi p (xây l p ng dây và tr m i n có c p i n áp n 220KV, xây l p các công trình vi n thông);

- Xu t nh p kh u nh ng m t hàng mà Công ty kinh doanh;

- S a ch a thi t b , xây l p các công trình nhà máy nhi t i n, thu i n;

- V n t i hàng hóa;

- Môi gi i th ng m i;

- i lý mua- bán, ký g i hàng hóa;

- ào t o b sung, tu nghi p nh k , b i d ng nâng cao trình , c p nh t ki n th c, giáo d c áp ng nhu c u ng i h c;

- D ch v môi gi i, tuy n ch n lao ng và cung c p nhân s ;

- T v n u t ;

- Xây d ng Công trình k thu t dân d ng;

- L p t máy móc và thi t b công nghi p;

- L p th th ng i n, c p thoát n c và l p t xây d ng khác;

- Ch t o, s a ch a, l p t thi t b chu áp l c;

- S n xu t thùng, b ch a và d ng c ch a b ng kim lo i;

- S n xu t thi t b nâng h và b c x p;

- S a ch a thi t b i n.

3.2. M c tiêu: Công ty c thành l p và ho t ng trong các lĩnh v c phù h p v i Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh và theo quy nh c a pháp lu t, nh m t c m c ích t i a hóa l i nhu n, t o công n vi c làm cho ng i lao ng, ng th i b o m l i ích cho các c ông, óng góp cho ngân sách Nhà n c và phát tri n Công ty ngày càng v ng m nh.

3.3. Các m c tiêu khác: Công ty ph n u tr thành nhà cung c p chuyên nghi p các s n ph m k t c u thép cho các công trình xây d ng nhà máy thu i n và nhà máy nhi t i n t i Vi t Nam vào tr c n m 2010.

N u b t k m c tiêu nào trong s nh ng m c tiêu này c n ph i có s ch p thu n c a c quan qu n lý thì Công ty ch có th th c hi n m c tiêu ó sau khi c c quan có th m quy n phê duy t.

#### **Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động**

4.1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo nội dung ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để thực hiện các mục tiêu của Công ty.

4.2. Công ty có thể tiến hành những hình thức kinh doanh khác được pháp luật cho phép mà Hội đồng Quản trị xét thấy có lợi ích cho Công ty.

#### **Chương IV**

#### **VĂN I U L , C H I PH N, C H ÔNG SÁNG L P**

#### **Điều 5. Văn i u l , c h i ph n, c h ông sáng l p**

5.1. Vào ngày thông qua Điều lệ này, văn i u l của Công ty là 24.300.000.000 đồng (bằng chữ : Hai bốn t , ba tr m tri u ng Vi t Nam).

Tổng số văn i u l của Công ty được chia thành 2.430.000 cổ phần (hai tri u, b n tr m ba m i ngàn) với mệnh giá là 10.000 đồng (m i nghìn đồng trên m t c ph n).

Trong đó:

- Nhà đầu tư nắm giữ cổ phần chi phí là: 1.020.000 cổ phần tương ứng với số vốn là 10.200.000.000 đồng, chiếm 41,98% văn i u l ;

- Người lao động trong Công ty và các công ty khác (bên ngoài Công ty) nắm giữ 1.410.000 cổ phần tương ứng với số vốn là 14.100.000.000 đồng, chiếm 58,02% văn i u l .

5.2. Công ty chỉ có thể tăng văn i u l khi cần thiết thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật.

5.3. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và phù hợp với quy định của pháp luật.

5.4. Công ty có thể phát hành cổ phần theo phương thức góp thành viên mới. Khoản góp và số tiền trả nh k ph i c xác nh t i th i i m phát hành cổ phần.

5.5. Công ty sáng lập là công ty tham gia thông qua Điều lệ này của Công ty cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% số cổ phần thông thường, số cổ phần số lượng tối thiểu là 5.000 cổ phần và có tên trong danh sách công ty sáng lập: tên, địa chỉ và số lượng cổ phần và các chi tiết khác về công ty sáng lập theo Luật Doanh nghiệp số nêu tại Phụ lục 1 kèm. Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Điều lệ này.

5.6. Cổ phần thông thường mới được phát hành sẽ ưu tiên chào bán cho các công ty theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần thông thường của công ty. Công ty phải thông báo về chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần chào bán và thời hạn hợp lý (không ít hơn 21 ngày) để công ty mua. Số cổ phần không được công ty mua hết phải chịu sự kiểm soát của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị có thể phân phối (hoặc tặng các quy định

ch n mua) các c ph n ó cho các i t ng, theo các i u ki n và cách th c mà H i ng Qu n tr th y phù h p, v i i u ki n là các c ph n ó không c bán theo các i u ki n thu n l i h n so v i nh ng i u ki n ã chào bán cho các c ông, tr khi các c ông ch p thu n khác ho c trong tr ng h p c ph n c bán qua Trung tâm Giao d ch Ch ng khoán.

5.7. Công ty có th mua c ph n c a chính mình (k c c ph n hoàn l i) theo nh ng cách th c c quy nh trong Lu t Doanh nghi p và các lu t liên quan, phù h p v i th m quy n mà i h i ng c ông ã cho phép theo quy nh trong i u l này và Lu t Doanh nghi p. C ph n do Công ty mua l i c gi làm c ph n ngân qu và có th c H i ng Qu n tr chào bán theo hình th c c i h i ng c ông cho phép và phù h p v i quy nh c a pháp lu t v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán.

5.8. Công ty có th phát hành trái phi u có b o m và không có b o m, và khi c i h i ng c ông phê chu n có quy n phát hành trái phi u có th chuy n i thành c phi u và các ch ng quy n t mua, cho phép ng i n m gi ch ng quy n c mua c ph n phù h p v i quy nh c a pháp lu t v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán.

## **i u 6. C phi u**

6.1. T t c các c ông u có quy n c c p m t c phi u nh t nh, tr ng h p quy nh t i kho n 6.8 c a i u này.

6.2. C phi u phát hành ph i c óng d u Công ty và có ch ký c a i di n theo pháp lu t c a Công ty phù h p v i các quy nh t i Lu t Doanh nghi p. C phi u nêu rõ s l ng và lo i c ph n do Công ty phát hành, s t i n ã thanh toán, h và tên ng i n m gi (n u là c phi u ghi tên) và các thông tin khác mà Lu t Doanh nghi p quy nh. M t c phi u ghi tên ch c i di n cho m t lo i c ph n.

6.3. Theo các quy nh t i i u l này, b t k ng i nào có ghi tên trong S ng ký c ông liên quan n m t c ph n thu c b t k lo i nào s c c p m i n phí m t c phi u (trong tr ng h p phát hành) trong vòng hai tháng (ho c th i h n lâu h n theo nh i u kho n phát hành quy nh) sau khi mua ho c chuy n nh ng (trong tr ng h p chuy n nh ng).

6.4. Tr ng h p ch chuy n nh ng m t s c ph n trong m t c phi u ghi tên thì c phi u c s b hu b và m t c phi u m i ghi nh n s c ph n còn l i s c c p m i n phí.

6.5. N u m t c phi u ghi tên b h ng ho c b t y xoá ho c b ánh m t, m t c p ho c b tiêu hu thì m t c phi u m i ghi nh n s c ph n t ng ng s c c p cho ng i n m gi theo yêu c u c a ng i ó v i i u ki n ph i xu t trình gi y t ch ng minh và thanh toán m i chi phí liên quan cho Công ty.

6.6. Ng i s h u c phi u không ghi tên ph i ch u trách nhi m c l p v v i c b o qu n c phi u và Công ty s không ch u trách nhi m trong m i tr ng h p nh ng ch ng ch này b m t c p ho c s d ng v i m c ích l a o.



6.7. Tất cả các mục phí u, trái phí u hoặc các chi ng khoản khác của Công ty được phát hành phí u có d u và ch ký m u c a i đi n theo pháp lu t của Công ty (tr các th chào bán, các chi ng ch t m th i và các tài li u t ng t ), tr tr ng h p các i u kho n và i u ki n hi n t i có liên quan n các chi ng ch ó có quy nh khác.

6.8 Các quy nh của Lu t Doanh nghi p và pháp lu t v chi ng khoản và th tr ng chi ng khoản, Công ty có th phát hành c phí u có ghi tên không theo hình th c chi ng ch và cho phép các c ph n (b t k là c ph n có phát hành đ i đ ng này hay không) được chuy n nh ng mà không nh t thi t phí u có v n b n chuy n nh ng hoặc tu t ng th i i m H i ng Qu n tr có th ban hành các quy nh khác thay th cho các quy nh t ng ng trong i u l này v c phí u và chuy n nh ng c ph n.

### **i u 7. Chuy n nh ng c ph n**

7.1. Tất cả các c ph n u có th c t do chuy n nh ng tr khi i u l này và Lu t pháp có quy nh khác. Tất cả các c phí u niêm y t trên Trung tâm Giao d ch Chi ng khoản s c chuy n nh ng theo các quy nh của U ban chi ng khoản Nhà n c và Trung tâm Giao d ch Chi ng khoản.

7.2. Trong vòng ba (03) n m k t ngày thành l p, các c ông sáng l p phí cùng nhau n m gi ít nh t 20% t ng s c ph n ph thông có th chuy n nh ng và tr ng h p chuy n nh ng s c ph n này cho nh ng ng i không phí là c ông sáng l p thì c n phí có s ch p thu n c a i h i ng c ông Công ty.

7.3. Các c ông sáng l p không c rút kh i thành viên Công ty trong vòng hai (02) n m tài chính u tiên của Công ty. Vì c ch m d t t cách thành viên phí c ngh b ng v n b n chính th c gi cho H i ng Qu n tr . Trong tr ng h p này, các c ông sáng l p còn l i s có quy n u tiên mua tr c s c ph n của c ông sáng l p trên theo t l t ng ng v i s c ph n mà h s h u.

7.4. Mọi vi c chuy n nh ng c ph n trong c phí u có ghi tên u phí th c hi n b ng v n b n theo cách thông th ng hoặc theo b t k cách nào mà H i ng Qu n tr có th ch p nh n và c ng có th ch là trao tay, tr khi H i ng Qu n tr có quy nh khác (phù h p v i quy nh của Lu t Doanh nghi p). Gi y t chuy n nh ng c ký b i bên chuy n nh ng và bên nh n chuy n nh ng (tr tr ng h p c phí u ã c thanh toán y ). Bên chuy n nh ng v n là ng i s h u c ph n có liên quan cho n khi tên của ng i nh n chuy n nh ng c ghi vào S ng ký c ông, tr tr ng h p bên chuy n nh ng u quy n cho bên nh n chuy n nh ng tham đ i h i ng c ông đi n ra trong th i gian ó theo quy nh của Lu t Doanh nghi p.

7.5. H i ng Qu n tr hoàn toàn có quy n t ch i ng ký chuy n nh ng b t k c ph n trong c phí u có ghi tên nào mà c ph n ó ch a c thanh toán y .

7.6 Trong tr ng h p m t c ông b ch t, nh ng ng i th a k hoặc nh ng ng i qu n lý tài s n c a ng i ch t s c Công ty th a nh n là ng i

(học sinh/người) có quyền học hỏi và tiếp cận phần mềm quy định này không giới hạn tài sản cá nhân ông/ bà/ cha/ mẹ/ người giám hộ của mình mà ngược lại.

## **Điều 8. Thu hồi phần**

8.1. Nếu một công ty không thanh toán yêu cầu và ứng dụng số tiền phí mua phần mềm thì Hội đồng Quản trị có thể gửi thông báo cho công ty yêu cầu thanh toán số tiền đó cùng với lãi suất có thể áp dụng trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán này gây ra cho Công ty.

8.2. Thông báo nêu trên phải nêu rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và phải nêu rõ ràng trong trường hợp không thanh toán ứng yêu cầu, phần mềm của thanh toán hết số bản thu hồi.

8.3. Nếu các yêu cầu của một thông báo nêu trên không thể chấp nhận thì Hội đồng Quản trị có thể thu hồi các phần mềm được cấp trong thông báo vào bất kỳ lúc nào trước khi thanh toán yêu cầu các khoản phí bản quyền, các khoản lãi và các chi phí liên quan. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả các tài liệu công bố về việc phần mềm thu hồi mà tất cả các chi trả cho những chi phí thu hồi. Hội đồng Quản trị có thể chuyển nhượng các phần mềm thu hồi theo quy định này và trong các trường hợp khác quy định trong điều lệ này.

8.4. Một phần bản thu hồi học giao nộp sẽ trở thành tài sản của Công ty và có thể được bán, tái phân phối hoặc xử lý theo cách khác cho người mà trước đây là một phần bản thu hồi học giao nộp bất kể người nào khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị quyết định là phù hợp. Ngược lại, Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho một số người chuyển giao phần mềm trên cho bất kỳ người nào khác.

8.5. Công ty không có các phần bản thu hồi học giao nộp không còn cách công bố về việc ngừng phần mềm ngừng vận hành chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty tất cả các khoản tiền có liên quan tới phần mềm mà vào thời điểm thu hồi học giao nộp phải thanh toán cho Công ty cùng với lãi suất theo thỏa thuận (không vượt quá mức lãi suất quá hạn cao nhất của khoản tiền vay do Ngân hàng thương mại công bố) theo quy định của Hội đồng Quản trị kể từ ngày thu hồi học giao nộp cho đến ngày thanh toán và Hội đồng Quản trị có toàn quyền quyết định trong việc ngừng thanh toán giá trị toàn bộ các phần mềm vào thời điểm thu hồi học giao nộp hoặc có thể gửi thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

8.6. Khi phần mềm thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ gửi ngay lập tức cho người quản lý phần mềm trước thời điểm thu hồi, những người trong môi trường vì việc thu hồi sẽ không bị mất hiệu lực vì lý do bất ngờ hoặc bất cứ trong việc gửi thông báo.

## **Chương V** **C C U T C H C, Q U N L Ý V À K I M S O Á T**

### **Đ i ứ 9. C c u t c h c q u n l ý**

C c u t c h c q u n l ý c a C ứ n g t y b a o g m:

- 9.1. H i h i n g c ứ n g;
- 9.2. H i n g Q u n t r ;
- 9.3. T ứ n g G i á m c ;
- 9.4. B a n K i m s o á t.

## **Chương VI** **C Ứ N G V À H I H I N G C Ứ N G**

### **Đ i ứ 10. Q u y n h n c a c ứ n g C ứ n g t y**

10.1. C ứ n g l à n h n g n g i c h s h u c a C ứ n g t y v à c ó c á c q u y n v à n g h a v t n g n g t h e o s c p h n, l o i c p h n m à h s h u. T r á c h n h i m c a m i c ứ n g c g i i h n t r o n g p h m v i s l n g c p h n m à c ứ n g ó n m g i .

10.2. N g i n m g i c p h n p h t h ứ n g c ó c á c q u y n s a u:

a. T h a m đ và p h á t b i u t r o n g c á c p h i ứ n h p i h i n g c ứ n g v à t h c h i n q u y n b i u q u y t t r c t i p h o c t h ứ n g q u a i d i n c y q u y n;

b. N h n c t c;

c. T d o c h u y n n h n g c p h n ã c t h a n h t o á n y t h e o q u y n h c a i u l n à y v à L u t p h á p;

d. c u t i ứ n m u a c p h n m i c c h à o b á n t n g n g v i t l c p h n p h t h ứ n g m à h s h u;

e. K i m t r a c á c t h ứ n g t i n l i ứ n q u a n n c ứ n g t r o n g d a n h s á c h c ứ n g t c á c h t h a m đ i h i n g c ứ n g v à y ứ u c u s a i c á c t h ứ n g t i n k h ứ n g c h í n h x á c;

f. T r o n g t r ứ n g h p C ứ n g t y b g i i t h , c n h n t à i s n c a C ứ n g t y t n g n g v i t l c p h n s h u n h n g c h s a u k h i C ứ n g t y ã t h a n h t o á n h t c á c k h o n n v à c á c n g h a v v à s a u c á c c ứ n g s h u c p h n u ã i;

g. Y ứ u c u C ứ n g t y m u a l i c p h n c a h t r o n g c á c t r ứ n g h p q u y n h t i i ứ 90.1 c a L u t D o a n h n g h i p;

h. C á c q u y n k h á c t h e o q u y n h c a i u l n à y v à p h á p l u t.

10.3. M t c ứ n g h o c m t n h ứ m c ứ n g n m g i t r ứ n 10% c p h n p h t h ứ n g t r o n g t h i g i a n l i ứ n t c t s á u t h á n g t r l ứ n, c ó c á c q u y n s a u:

a. n g c h o c c n g i b u c v à o H i n g Q u n t r h o c B a n k i m s o á t;

b. Y ứ u c u t r i u t p i h i n g c ứ n g;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc trích dẫn danh sách các công có quyền tham dự và biểu quyết của công ty;

d. Các quy định khác của quy định nội bộ này.

### **Điều 11. Nghĩa vụ của các công ty**

Các công ty có các nghĩa vụ sau:

11.1. Tuân thủ nội bộ Công ty và các quy định, quy định của Hội đồng Quản trị và các quy định của công ty;

11.2. Thanh toán tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã ký mua theo đúng thủ tục quy định;

11.3. Hoàn thành các nghĩa vụ khác do Luật pháp quy định.

### **Điều 12. Nghĩa vụ công ty**

12.1. Nghĩa vụ công ty là các quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và tất cả các công ty có quyền biểu quyết tham dự. Nghĩa vụ công ty thường niên của các thành viên như sau:

12.2. Nghĩa vụ công ty thường niên do Hội đồng Quản trị quyết định và thực hiện. Nghĩa vụ công ty thường niên quy định như sau: Luật pháp và nội bộ này quy định, các báo cáo công ty thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập của công ty tham dự và kiểm tra báo cáo tài chính hàng năm thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

12.3. Hội đồng Quản trị phải thực hiện nghĩa vụ công ty bất kỳ trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

Việc thực hiện là cần thiết nếu các kiểm toán viên độc lập thực hiện cuộc họp là quan trọng hoặc báo cáo kiểm toán hoặc tình hình tài chính của Công ty và Hội đồng Quản trị có những thay đổi.

b. Bằng cách kiểm toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy vấn đề bất thường.

c. Khi số thành viên của Hội đồng Quản trị ít hơn số thành viên mà Luật pháp quy định hoặc ít hơn hai phần ba (2/3) số thành viên quy định trong nội bộ.

d. Một công ty hoặc một nhóm công ty quy định tại Điều 10.3 của nội bộ này yêu cầu thực hiện nghĩa vụ của thành viên khi cần nêu rõ lý do và mục đích cụ thể, có thể ký các công ty liên quan (vấn đề khi cần có thể thành lập một bộ phận có chức năng các công ty có liên quan);

e. Ban kiểm soát yêu cầu thực hiện cuộc họp của Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc vì phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 của Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng Quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.

#### 12.4. Trình t , th t c tri u t p và chi phí h p i h i ng c ông

a. H i ng Qu n tr ph i tri u t p m t cu c h p i h i ng c ông trong vòng 30 ngày k t ngày nh n c yêu c u nêu t i kho n 12.3d ho c kho n 12.3e trên ây;

b. Tr ng h p H i ng Qu n tr không tri u t p cu c h p nêu trên, Ban ki m soát s ph i tri u t p cu c h p i h i ng c ông;

c. Tr ng h p Ban ki m soát không tri u t p cu c h p, nh ng c ông ho c m t nhóm c ông có yêu c u nêu t i kho n 12.3d c a i u l này có th tri u t p cu c h p i h i ng c ông;

d. T t c các chi phí tri u t p và t i n hành m t cu c h p i h i ng c ông s do Công ty tr . Chi phí này không bao g m nh ng chi phí do c ông chi tiêu khi tham đ i h i ng c ông, k c chi phí n và i l i.

#### **i u 13. Quy n và nhi m v c a i h i ng c ông**

13.1. i h i ng c ông th ng niên có quy n th o lu n và thông qua các v n sau:

- a. Báo cáo tài chính hàng n m;
- b. Báo cáo c a Ban ki m soát v tình hình Công ty;
- c. Báo cáo c a H i ng Qu n tr ;
- d. Báo cáo c a các ki m toán viên;
- e. K ho ch phát tri n ng n h n và dài h n c a Công ty.

13.2. i h i ng c ông th ng niên và b t th ng có quy n ra các quy t nh b ng cách thông qua ngh quy t v các v n sau:

- a. Phê chu n các báo cáo tài chính hàng n m;
- b. M c c t c c thanh toán hàng n m cho m i lo i c ph n phù h p v i Lu t Doanh nghi p và các quy n g n li n v i lo i c ph n ó v i i u ki n là m c c t c này không cao h n m c mà H i ng Qu n tr ngh sau khi ã tham kh o ý ki n các c ông t i i h i ng c ông;
- c. S l ng thành viên c a H i ng Qu n tr ;
- d. L a ch n Công ty ki m toán;
- e. B u, bãi mi n, thay th thành viên H i ng Qu n tr , Ban ki m soát và phê chu n vi c H i ng Qu n tr b nhi m T ng Giám c ;
- f. T ng s t i n thù lao c a các thành viên H i ng Qu n tr , Ban ki m soát và Báo cáo t i n thù lao c a H i ng Qu n tr ;
- g. B sung, s a i i u l ;
- h. Lo i c ph n và s l ng c ph n m i s c phát hành cho m i lo i c ph n và vi c chuy n nh ng c ph n c a c ông sáng l p trong vòng ba (03) n m u tiên k t ngày thành l p;
- i. Sáp nh p ho c chuy n i Công ty;

- j. Tách lợi, ghi i th (thanh lý) Công ty và chi nh ng i thanh lý;
  - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các công của Công ty;
  - l. Quy định bán sản tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã kê khai toán gần nhất;
  - m. Công ty mua hoặc mua lại hơn 10% tổng số cổ phần hoặc số cổ phần đã bán của mỗi loại thực vật loài cổ phần nào do Công ty phát hành;
  - n. Tổng Giám đốc ứng thi làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
  - o. Công ty hoặc bất kỳ chi nhánh nào của Công ty ký hợp đồng với nhà cung cấp quy định tại Khoản 1 điều 120 của Luật Doanh nghiệp với giá trị tổng hợp lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã kê khai toán gần nhất;
- Các vấn đề khác theo quy định của điều này và các quy chế khác của Công ty.

13.3. Công đồng không được biểu quyết cho bất kỳ một nghị quyết nào thông qua:

- a. Các hợp đồng quy định tại điều 13.2 nêu công thức hoặc nội dung có liên quan tới công thức là một bên của hợp đồng; hoặc
- b. Việc mua cổ phần của công thức hoặc của bất kỳ nội dung nào có liên quan tới công thức.

13.4. Hội đồng công phải thảo luận và biểu quyết về việc các nghị quyết và các vấn đề khác đưa vào chương trình họp.

#### **Điều 14. Các điều kiện quy định**

14.1 Các công đồng có quyền tham dự hội đồng công theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người đại diện của mình tham dự. Người đại diện của công đồng không nhất thiết phải là công đồng;

14.2 Việc chọn người đại diện của công đồng phải chấp hành và tuân theo quy định chung hoặc theo quy định khác mà Hội đồng Quản trị chấp thuận; và

a. Trưởng hợp là cá nhân thì phải ký bằng ủy quyền hoặc bằng luật sư công chứng; hoặc

b. Trưởng hợp là tổ chức, pháp nhân thì phải có mặt luật sư hoặc người đại diện theo pháp luật tại chỗ, pháp nhân có ký và đóng dấu.

14.3. Trưởng hợp và thành viên của công đồng ủy quyền có mặt luật sư ký thay mặt cho người ủy quyền thì thủ tục ủy quyền cho luật sư hoặc bên nào có xác nhận hợp lệ của thủ tục ủy quyền ở phía công đồng cùng với thành viên của công đồng (nếu có) của công đồng (nếu có) của Công ty). Nếu điều này không được thể hiện thì việc chọn người ủy quyền sẽ coi là không có hiệu lực.

14.4. Lá phiếu bầu của người đại diện của công đồng trong phạm vi ủy quyền và có hiệu lực ngay khi công đồng chọn người đại diện ủy quyền đó:

- a. Ch t ho c không có kh n ng t ch hành vi c a mình.
- b. Hu b vi c ch nh u quy n; ho c
- c. Hu b th m quy n c a ng i th c hi n vi c u quy n.

Tuy nhiên, vi c y quy n ng nhiên ch m đ t hi u l c n u Công ty nh n c thông báo v m t trong các s ki n c quy nh t i kho n 14.4 c a i u này vào th i i m không mu n h n 48 gi ng h tr c khi khai m c cu ch p ho c tr c khi cu ch p c tri u t p l i.

### **i u 15. Thay i các quy n**

15.1. V i s ch p thu n c a i h i ng c ông c quy nh t i i u 13.2, khi v n i u l c a Công ty c chia thành các lo i c ph n khác nhau thì theo Lu t Doanh nghi p, các quy n c bi t g n li n v i t ng lo i ó có th c thay i ho c hu b v i s nh t trí b ng v n b n c a nh ng ng i n m gi ít nh t 65% s c ph n có quy n bi u quy t c a các c ph n thu c lo i ó ã phát hành ho c v i ngh quy t c thông qua b i nh ng ng i n m gi ít nh t 65% s c ph n có quy n bi u quy t c a t t c các c ông có m t t i m t cu c h p c a riêng nh ng ng i n m gi lo i c ph n ó.

15.2. S l ng i bi u c n thi t t ch c m t cu c h p nh v y ít nh t là hai (02) c ông (ho c i di n c u quy n c a h ) n m gi ít nh t m t ph n ba giá tr m nh giá c a các c ph n lo i ó ã phát hành (nh ng t i cu c h p không có s i bi u nh trên thì cu c h p s c t ch c l i trong vòng 30 ngày sau ó và b t k m t ng i nào n m gi c ph n thu c lo i ó có m t tr c ti p ho c thông qua i di n c u quy n u c coi là s l ng i bi u yêu c u). C ng t i các cu c h p riêng bi t nêu trên, b t k ng i nào n m gi c ph n thu c lo i ó có m t tr c ti p ho c qua ng i i di n u có th yêu c u b phi u kín và m i ng i khi b phi u kín u có m t lá phi u cho m i c ph n s h u thu c lo i ó.

15.3. Th t c ti n hành các cu c h p riêng bi t nh v y c th c hi n t ng t v i các quy nh t i i u 17 và i u 18.

15.4. Tr khi các i u kho n v phát hành c ph n c quy nh khác, các quy n c bi t g n li n v i các lo i c ph n có quy n u ã trong m t s ho c t t c các v n liên quan n vi c phân chia l i nhu n ho c tài s n c a Công ty s không b thay i khi Công ty phát hành thêm các c ph n cùng h ng.

### **i u 16. Tri u t p i h i ng c ông, Ch ng trình h p và Thông báo**

16.1. H i ng Qu n tr tri u t p i h i ng c ông tr các tr ng h p quy nh t i i u 12.4b ho c i u 12.4c.

16.2. Ng i tri u t p i h i ng c ông ph i th c hi n nh ng nhi m v sau ây:

- a. Chu n b m t danh sách các c ông i u ki n tham gia v à bi u quy t t i i h i trong vòng 30 ngày tr c ngày b t u ti n hành i h i ng

c. Ông; ch. ng trình h p và các tài li u phù h p v i Lu t pháp và các quy nh c a Công ty;

b. Xác nh th i gian và a i m i h i;

c. G i thông báo v i h i cho t t c các c ông.

16.3. Thông báo v i h i ng c ông ph i bao g m ch ng trình h p và các thông tin h p lý v các v n s c th o lu n và bi u quy t t i i h i. Thông báo v i h i ng c ông có th c g i cho c ông b ng cách chuy n t n tay ho c qua b u i n t i a ch ã ng ký c a c ông ho c t i a ch do c ông ó cung c p ph c v vi c g i thông tin. N u c ông ã thông báo cho Công ty b ng v n b n v s fax ho c a ch th i n t thì thông báo h p có th s c g i t i s fax ho c i ch th i n t ó. Trong tr ng h p c ông là ng i làm vi c trong Công ty thì thông báo có th ng trong phong bì dán kín g i t n tay h t i n i h làm vi c. Thông báo ph i c g i ít nh t 15 ngày tr c ngày h p i h i ng c ông (tính t ngày mà thông báo c g i ho c c chuy n i m t cách h p l , c tr c c phí ho c c b vào hòm th ). N u Công ty có Website, thông báo v h p i h i ng c ông s ph i c công b trên ó ng th i v i vi c g i thông báo cho các c ông.

16.4. C ông ho c nhóm c ông c c p t i i u 10.3 c a i u l này có quy n xu t các v n a vào ch ng trình h p i h i ng c ông. xu t ph i c làm b ng v n b n và ph i c g i cho Công ty ít nh t ba (03) ngày tr c khi b t u h p i h i ng c ông. xu t ph i bao g m h và tên c ông, s l ng và lo i c ph n ng i ó n m gi và n i dung ngh a vào ch ng trình h p.

16.5. Ng i tri u t p i h i ng c ông ch có quy n t ch i nh ng xu t liên quan n kho n 16.4 c a i u này n u:

a. xu t không c g i úng th i h n;

b. Vào th i i m xu t, c ông ho c nhóm c ông không có ít nh t 10% c ph n ph thông trong th i gian liên t c t sáu (06) tháng tr lên;

c. xu t không ch a ng nh ng thông tin c n thi t;

d. V n xu t không thu c th m quy n c a i h i ng c ông b àn b c và thông qua các ngh quy t.

16.6. i v i t ng v n trong ch ng trình h p, H i ng Qu n tr ph i chu n b đ th o m t ngh quy t.

16.7. N u t t c c ông có quy n bi u quy t có m t tr c ti p ho c thông qua i đi n cu quy n t i i h i ng c ông thì nh ng ngh quy t c i h i nh t trí thông qua ulà h p l ngay c khi i h i ng c ông không c tri u t p m t cách phù h p ho c m t n i dung h p không c a vào ch ng trình m t cách h p lý.

**i u 17. Các i u ki n t i n hành h p i h i ng c ông và l p Biên b n i h i ng c ông**



17.1. i h i n g c ô n g s do Ch t ch H i n g Qu n tr ch trì ho c n u Ch t ch v n g m t thì b t k n g i nào khác do i h i b u r a s ch trì. Tr n g h p không ai trong s h có th ch trì i h i, thành viên H i n g Qu n tr có m t v i ch c v cao nh t s t ch c cu c h p b u r a ch to i h i, ch to không nh t thì t ph i là thành viên H i n g Qu n tr. Ch t ch H i n g Qu n tr ho c ch to c b u c a i h i c m t th ký l p Biên b n i h i. Tr n g h p b u ch to, tên ch to c c và s phi u b u cho ch to ph i c công b .

17.2. Tr tr n g h p quy nh t i kho n 17.3 c a i u này, các ngh quy t c a i h i n g c ô n g ph i c thông qua b i t 65% tr lên t n g s phi u b u c a các c ô n g có quy n bi u quy t có m t tr c ti p ho c thông qua i di n c u quy n có m t t i i h i n g c ô n g.

17.3. Các ngh quy t c a i h i n g c ô n g liên quan n v i c s a i, b sung i u l ; l o i c ph n và s l n g c ph n c chào bán; bán s tài s n c ó giá tr b n g ho c l n h n 50% t n g giá tr tài s n c a Công ty; sáp nh p, tái t ch c và gi i th Công ty ph i c thông qua b i t 75% tr lên t n g s phi u b u các c ô n g có quy n bi u quy t có m t tr c ti p ho c thông qua i di n c u quy n có m t t i i h i n g c ô n g.

17.4. Ng i ch trì i h i n g c ô n g ch u trách nhi m l u các biên b n và gi cho t t c các c ô n g khi i h i n g c ô n g k t thúc. Các bi ên b n này c coi là nh ng b n g ch n g xác th c v nh ng công vi c ã c ti n hành t i i h i ó tr khi có ý ki n ph n i c a r a m t cách h p l v n i dung biên b n trong vòng 10 ngày k t khi g i nh ng biên b n ó i. Biên b n ó s c l p b n g ti n g Vi t, c ch t a i h i và th ký ký xác nh n và c l p theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p và t i i u l này. Các b n ghi chép, biên b n, s ch ký c a các c ô n g d h p và v n b n u quy n tham d ph i c l u gi t i v n phòng Công ty.

17.5. i h i n g c ô n g c ti n hành khi có s c ô n g d h p i di n cho ít nh t 65% s c ph n có quy n bi u quy t. Tr n g h p không có s l n g i bi u c n thì t thì trong vòng 30 phút k t th i i m n nh khai m c cu c h p i h i ph i c tri u t p l i trong vòng 30 ngày k t ngày d nh t ch c i h i n g c ô n g l n th nh t. Trong i h i n g c ô n g tri u t p l i c n có s c ô n g ho c nh ng i di n c u quy n tham d i di n cho ít nh t 51% s c ph n có quy n bi u quy t. N u i h i n g c ô n g ã c tri u t p l i v n không s i bi u c n thì t, trong v òng 30 phút k t th i i m n nh khai m c cu c h p thì m t i h i n g c ô n g l n th ba có th c tri u t p trong vòng 20 ngày k t ngày d nh t i n hành i h i l n hai và trong i h i l n này, cu c h p c ti n hành không ph thu c vào s c ô n g d h p.

17.6. Vào ngày t ch c i h i n g c ô n g, th t c n g ký c ô n g ph i c ti n hành và ti p t c cho n khi b o m vi c n g ký y t t c các c ô n g có quy n d h p.

17.7. Khi ti n hành n g ký c ô n g, Công ty s c p cho m i c ô n g ho c i di n c u quy n có quy n bi u quy t m t th bi u quy t, trên ó có

ghi s ng ký, h và tên c a c ông, h và tên i di n c u quy n và s phi u bi u quy t c a c ông ó. Vi c bi u quy t t i i h i s c ti n hành b ng cách thu s th ng h m t ngh quy t tr c, thu s th ph n i ngh quy t ó sau, cu i cùng m t ng s phi u tán thành hay ph n i quy t nh. T ng s phi u tán thành, ph n i m t v n , ho c b phi u tr ng, s c ch to thông báo ngay sau khi vi c bi u quy t c ti n hành. i h i s t ch n trong s i bi u nh ng ng i ch u trách nhi m ki m phi u ho c giám sát ki m phi u và n u i h i không ch n thì ch to s ch n nh ng ng i ó.

17.8. C ông n d h p i h i ng c ông mu n có quy n ng ký ngay và sau ó có quy n tham gia và bi u quy t ngay t i i h i nh ng ch to không có trách nhi m đ ng i h i ó cho h ng ký và hi u l c c a các t bi u quy t ã ti n hành s không b nh h ng.

17.9. Quy t nh c a ch to v v n trình t , th t c ho c các s ki n phát sinh ngoài ch ng trình c a i h i ng c ông s mang tính phán quy t cao nh t.

17.10. Không c n l y ý ki n c a i h i, b t c lúc nào ch t a phiên h p i h i ng c ông c ng có th trì hoãn m t i h i ã có s i bi u c n thi t n m t th i i m khác và t i m t a i m do ch to quy t nh n u nh n th y r ng (a) các thành viên tham đ không th có ch ng i thu n ti n a i m t ch c i h i, (b) hành vi c a nh ng ng i có m t c n tr ho c có kh n ng c n tr đ i n bi n có tr t t c a cu c h p ho c (c) s trì hoãn là c n thi t các công vi c c a i h i c ti n hành m t cách h p l . Ngoài ra, v i s nh t trí ho c yêu c u c a i h i ng c ông ã có s l ng i bi u đ h p c n thi t, ch to i h i có th hoãn i h i. i h i h p l i s không xem xét b t c v n nào ngoài các công vi c l ra ã c gi i quy t h p pháp t i i h i b trì hoãn tr c ó.

17.11. Ch to ho c th ký c a i h i có th ti n hành các ho t ng mà h th y c n thi t i u khi n i h i ng c ông m t cách h p l v à có tr t t ho c i h i ph n ánh c mong mu n c a i a s tham đ .

17.12. H i ng Qu n tr có th yêu c u các c ông ho c i di n c u quy n mu n tham đ i h i ng c ông ch u s ki m tra ho c các bi n pháp an ninh khác mà H i ng Qu n tr cho là thích h p. Khi ã xem xét k l ng, H i ng Qu n tr có th t ch i không cho tham đ ho c tr c xu t m t c ông ho c i di n c u quy n nào ó không ch u tuân th nh ng quy nh v ki m tra ho c các bi n pháp an ninh này ra kh i i h i.

17.13. H i ng Qu n tr có th ti n hành các bi n pháp mà h cho là thích h p sau khi ã xem xét k l ng :

- a. i u ch nh s ng i có m t t i a i m chính h p i h i ng c ông;
- b. m b o an toàn cho m i ng i có m t t i a i m ó;
- c. T o i u ki n cho c ông tham đ i h i (ho c ti p t c tham đ ).

H i ng Qu n tr có th thay i nh ng bi n pháp này vào b t k lúc nào. Các bi n pháp có th bao g m và không h n ch vi c c p gi y vào c a ho c s d ng nh ng hình th c l a ch n khác.

17.14. Trong trường hợp khi việc công bố có áp dụng các biện pháp quy định của pháp luật này, khi xác định thẩm quyền, Hội đồng Quản trị có thể:

a. Thông báo rằng việc thực hiện các hành động của mình ghi trong thông báo và chi tiêu của mình có mối liên hệ (“liên hệ chính”);

b. Bất cứ, tất cả những công việc diễn ra quy định không được phép thực hiện theo điều khoản này hoặc những người mua tham gia của mình khác về thẩm quyền chính có thể tham gia thực hiện.

Thông báo về việc không cần phải đưa ra chi tiết về những biện pháp thực hiện theo điều khoản này.

17.15. Trong điều 17 này (trừ khi hoàn toàn yêu cầu khác), mọi công việc được coi là tham gia thực hiện của mình chính.

### **Điều 18. Phân tích các quy định thông qua hình thức giao dịch**

18.1. Các quy định có thể của các công việc diễn ra cho ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết (đối với các vấn đề quy định trong 3 điều 17 của pháp luật này phải chấp thuận bằng 75% trở lên tổng số phiếu bầu của các công bố quyền biểu quyết) thông qua bằng văn bản theo các thủ tục quy định trong điều 18 của pháp luật này.

18.2. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm sau đây các quy định của công bố thông qua bằng hình thức giao dịch:

a. Quy định các vấn đề cần xem xét, hình thức và nội dung báo cáo kín theo pháp luật này và pháp luật;

b. Gửi báo cáo và tất cả các văn bản cần thiết cho tất cả các công bố quyền tham gia thực hiện công việc các công bố ý thông tin ra các quy định.

c. Xác định kết quả báo cáo và thông báo kết quả đó trong vòng 15 ngày sau ngày ghi trong báo cáo mà vào ngày đó các báo cáo sẽ được trình bày.

18.3. Quy định thông qua bằng hình thức giao dịch theo quy định trong điều 18.1 của pháp luật này có giá trị ngang các quy định do việc thực hiện công bố thông qua.

## **Chương VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 19. Thành viên và nhiệm vụ**

19.1. Số thành viên của Hội đồng Quản trị không ít hơn năm (05) người và không nhiều hơn mười một (11) người. Nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị là năm (05) năm. Nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm và có thể tái bổ nhiệm việc công bố tiếp theo. Khi bổ sung các thành viên Hội đồng Quản trị, Công ty phải thực hiện mức tối thiểu một phần ba (1/3) số thành viên phải bầu hoặc bổ nhiệm lại việc công bố thực hiện, ít nhất một phần ba (1/3) số thành viên Hội đồng Quản trị phải là thành viên độc lập không liên quan.

19.2. Có ít nhất là ba (03) thành viên của Hội đồng Quản trị do các công sáng lập theo tỷ lệ số vốn cổ phần của công sáng lập. Các công sáng lập quy định các thành viên Hội đồng Quản trị bằng cách gộp tỷ lệ số vốn cổ phần vào với nhau bằng phiếu.

19.3. Điều kiện và thẩm quyền của thành viên Hội đồng Quản trị

a. Mọi công nhân mới chỉ h 10% số vốn cổ phần quy định quy định trong vòng sáu (06) tháng liên tiếp trở lên, công quy định công nhân bổ sung vào Hội đồng Quản trị.

b. Những công nhân mới chỉ h 10% số vốn cổ phần quy định quy định trong vòng sáu (06) tháng trở lên có quy định số vốn cổ phần quy định quy định của công nhân khác nhau của các thành viên của Hội đồng Quản trị. Nếu những công nhân có quy định quy định mà những công nhân chỉ m trong khoảng 10% đến 30% thì những công nhân (01) thành viên bổ sung vào Hội đồng Quản trị; nếu chỉ m 30% đến 50% thì những công nhân có quy định hai (02) thành viên; nếu từ 50% đến 70% thì những công nhân ba (03) thành viên và nếu từ 70% thì những công nhân (04) thành viên.

19.4. Mọi thành viên Hội đồng Quản trị sẽ không còn thẩm quyền của thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không thực hiện thẩm quyền của thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc Luật pháp công nhân làm thành viên Hội đồng Quản trị.

b. Thành viên đó gia nhập vào đơn vị xin thực hiện công việc chính của Công ty.

c. Thành viên đó bị mất khả năng hành vi và các thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những công nhân chuyên môn công nhân đó không còn có năng lực hành vi.

d. Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên tiếp trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng Quản trị và Hội đồng Quản trị đã quy định rằng công nhân này bị trừ quyền.

e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của nội quy công nhân.

g. Là điều kiện của thẩm quyền thay thế hoặc m quy định điều kiện cho thực hiện.

19.5. Hội đồng Quản trị có thẩm quyền bổ nhiệm mọi thành viên mới vào m thẩm quyền bổ sung phát sinh trong Hội đồng Quản trị và thành viên này phải chấp thuận từ nội quy công nhân tiếp sau đó. Ngay khi công nhân nội quy công nhân chấp thuận, việc bổ nhiệm sẽ coi là có hiệu lực vào ngày của Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận vào m thẩm quyền bổ sung phát sinh trong Hội đồng Quản trị phải qua cuộc họp phiếu tín nhiệm từ nội quy công nhân tiếp theo.

19.6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị phải được thông báo trên ít nhất hai (02) tờ báo kinh tế chính thức của nhiệm kỳ bị tuyển tại Việt Nam trong vòng năm (05) ngày kể sau khi bổ nhiệm.

19.7. Thành viên Hội đồng Quản trị không nhất thiết phải là người nội địa của Công ty.

## **Điều 20. Quy định và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị**

20.1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo trực tiếp của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị là quan có ý quyết định tất cả các quy định nhân danh Công ty như nghị quyết thu nhập và chi phí công.

Các thành viên Hội đồng Quản trị không được chuyển nhượng cổ phần của Công ty do họ sở hữu trong suốt thời gian nhiệm kỳ, trừ trường hợp Hội đồng Quản trị chấp thuận.

20.2. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và những người quản lý khác.

20.3. Quy định và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do Luật pháp, nội lệ, các quy định nội bộ của Công ty và nghị quyết chi phí công quy định. Hội đồng Quản trị có những nhiệm vụ và quy định như sau đây:

- a. Quyết định kế hoạch sản xuất - kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- b. Xác định các tiêu chí hoạt động và chỉ số phát triển của Công ty trên cơ sở các mục tiêu chỉ số do chi phí công thông qua;
- c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo nghị quyết của Tổng Giám đốc và quyết định nội bộ của Hội đồng;
- d. Quyết định cấu trúc của Công ty;
- e. Xác định các khi cần của Công ty và các cán bộ quản lý cần quy định nội lệ của Công ty trong các thủ tục pháp lý cần thiết của cán bộ quản lý đó;
- f. Xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tăng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- g. Xác định việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chi phí quy định cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá xác định trước;
- h. Quyết định giá bán trái phiếu, cổ phiếu và các chi phí khoản chuyển đổi;
- i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức Tổng Giám đốc hay bất kỳ cán bộ quản lý hoặc người đi nhiệm nào của Công ty nếu Hội đồng Quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tốt của Công ty. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm đó không có trái với các quy định theo hợp đồng của nhân viên bị bãi nhiệm (nếu có).
- j. Xuất mặt tiền hàng năm và xác định mặt tiền chi tiêu; tổ chức việc chi tiêu;
- k. Xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.

20.4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng Quản trị phê duyệt:

- a. Việc thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
- b. Việc thành lập các Công ty con của Công ty;
- c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 điều 108 của Luật Doanh nghiệp, tự nguyện trích lập Hích Quên quy định về chi phí, sai sót và huỷ các hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong sổ sách kế toán để kiểm toán gần nhất (bao gồm các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, sáp nhập, thu tóm Công ty và liên doanh) và giao cho Tổng Giám đốc ký kết, thực hiện; trừ trường hợp quy định tại khoản 3 điều 120 của Luật Doanh nghiệp ưu tiên chi phí chi phí công cộng phê chuẩn;
- d. Việc chấp thuận và bãi nhiệm những người của Công ty ưu tiên là đại diện thường nhiệm có thẩm quyền và Luật sư của Công ty;
- e. Việc vay nợ và việc thực hiện nhiệm vụ khoản thanh toán, bổ sung, bổ lãnh và bãi nhiệm của Công ty;
- f. Các khoản nợ không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá năm (05) tổng Việt Nam hoặc các khoản nợ vượt quá 10% giá trị kế hoạch hàng năm nhưng không vượt quá mười (10) tổng;
- g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những Công ty khác của thành lập Việt Nam hay nước ngoài;
- h. Việc nhả giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quy định sản phẩm, quy định sản phẩm đầu tư, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- i. Việc Công ty mua hoặc thu hồi cổ phần không quá 10% cổ phần theo tổng số;
- j. Bỏ tiền kinh doanh hoặc giao dịch nào khác mà Hích quy định nên chi phí có sản phẩm thu nhập trong phạm vi quy định và trách nhiệm của mình;
- k. Quy định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

20.5. Hích Quên phải báo cáo cho Hích công cộng hoặc cá nhân mình, có thể là về việc giám sát của Hích và vì Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Nếu không có báo cáo của Hích Quên, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ coi là không có giá trị và chấp thuận của Hích thông qua.

20.6. Hích Quên có thể ủy quyền cho cán bộ quản lý cấp dưới, đại diện và hành động thay mặt cho Công ty, thẩm định khi văn bản đòi hỏi về đánh giá và tài liệu, trừ khi pháp luật và điều lệ quy định khác.

20.7. Các thành viên Hích Quên (không kể các đại diện của ủy quyền thay thế) nên nhận thù lao, tiền lương cho công việc của họ với cách là thành viên Hích Quên. Tổng mức thù lao cho Hích Quên sẽ do Hích công cộng quy định. Khoản thù lao này sẽ chia cho các thành viên Hích Quên theo thỏa thuận trong Hích hoặc nếu không thỏa thuận thì chia đều.

20.8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và số tiền mà mỗi thành viên nhận phải ghi chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty.

20.9. Mỗi thành viên nắm giữ bất kỳ một chức vụ nào (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch và không tính đến vị trí chức vụ đó có nắm giữ trong một khuôn khổ mang tính chất tư nhân hay không) hoặc thành viên làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng hoặc thành viên thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng Quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trả gói theo từng lần, lần, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới các hình thức khác theo quy định của Hội đồng Quản trị.

20.10. Các thành viên Hội đồng Quản trị có quyền thanh toán tất cả các chi phí liên quan và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, kể cả chi phí phát sinh trong việc tham dự các cuộc họp của Hội đồng hoặc các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc hội nghị công đồng.

## **Điều 21. Chức vụ Hội đồng Quản trị và thành viên Hội đồng Quản trị**

21.1. Hội đồng Quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên của mình bầu ra Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp Hội đồng quy định khác, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ không kiêm chức Tổng Giám đốc Công ty. Nếu các công chức phụ trợ của Chủ tịch có thể thì là Tổng Giám đốc, quy định này cần được đăng nhập hàng năm vào hồ sơ Hội đồng thường niên.

21.2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập và chủ trì các phiên họp Hội đồng công đồng, các cuộc họp của Hội đồng Quản trị; đồng thời có những quy định và trách nhiệm khác quy định tại Điều này và theo Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của mình vì bất kỳ lý do nào đó thì Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số những thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch.

21.3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải gửi báo cáo tài chính thường niên, báo cáo tình hình chung của Công ty, báo cáo kế toán của Kế toán viên và báo cáo kiểm tra của Hội đồng Quản trị cho các công ty liên quan;

21.4. Khi Chủ tịch Hội đồng Quản trị tạm thời hoặc bãi nhiệm vì bất kỳ lý do nào thì Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

## **Điều 22. Thành viên Hội đồng Quản trị thay thế**

22.1. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị (nếu không phải người cũ nhiệm vụ thay thế cho thành viên đó) có thể chọn bất kỳ một thành viên Hội đồng Quản trị nào khác hoặc bất kỳ người nào khác của Hội đồng Quản trị phê chuẩn và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ này, làm người thay thế cho mình và có quyền bãi nhiệm người thay thế đó.

22.2. Thành viên Hội đồng Quản trị thay thế sẽ có quyền như các thông báo về mọi cuộc họp của Hội đồng Quản trị và của các tiểu ban thuộc Hội đồng

Quản trị mà người chỉ định là thành viên, có quyền tham gia và biểu quyết tất cả các cuộc họp nào mà có thành viên Hội đồng Quản trị chỉ định không có mặt và cuộc họp này thực hiện theo các quy định của pháp luật về thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp người chỉ định vắng mặt nhưng không có quyền nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ phía Công ty cho công việc của mình với cách là thành viên Hội đồng Quản trị thay thế. Tuy nhiên, Công ty không bắt buộc phải thông báo về các cuộc họp nói trên cho thành viên Hội đồng Quản trị thay thế không có mặt tại Việt Nam.

22.3. Thành viên thay thế phải bắt đầu cách thành viên Hội đồng Quản trị từ ngày người chỉ định không còn thực hiện cách thành viên Hội đồng Quản trị nữa. Nếu người nhận làm thành viên Hội đồng Quản trị hiện tại không phải là người tái bổ nhiệm hoặc coi là tái bổ nhiệm trong cùng hội đồng mà thành viên đó thôi việc do hết nhiệm kỳ thì việc chỉ định thành viên thay thế do người này thực hiện ngay trước khi hết nhiệm kỳ sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi thành viên đó tái bổ nhiệm.

22.4. Việc chỉ định hoặc bãi nhiệm thành viên thay thế phải thực hiện theo hình thức mặt văn bản thông báo do thành viên Hội đồng Quản trị chỉ định hoặc bãi nhiệm người thay thế ký gửi cho Công ty hoặc theo hình thức khác do Hội đồng Quản trị phê chuẩn.

22.5. Ngoài những quy định khác đã nêu trong điều lệ này, một thành viên thay thế sẽ coi như là thành viên Hội đồng Quản trị về mặt pháp lý đối với trách nhiệm cá nhân về hành vi và sai lầm của mình mà không coi là người đi nhiệm vụ hành sự của thành viên Hội đồng Quản trị để chỉ định mình.

### **Điều 23. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị**

23.1. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (07) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

23.2. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị mà không có bất kỳ sự trì hoãn bất hợp lý nào khi một trong số các điều kiện sau đây xảy ra bất kỳ một văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các văn bản bàn:

- a. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý;
- b. Hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị;
- c. Chủ tịch Hội đồng Quản trị; hoặc
- d. Đa số thành viên trong Ban Kiểm soát.

23.3. Cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được tiến hành trong vòng hai (02) tuần sau khi xuất phát. Nếu Chủ tịch không chấp nhận triệu tập cuộc họp, người mong muốn thực hiện cuộc họp có quyền triệu tập theo khoản 23.2 của điều lệ này có thể triệu tập họp Hội đồng Quản trị.



23.4. Theo yêu cầu của kỹ thuật viên lập, Chức vụ Hội đồng Quản trị phải trình Ủy ban Quản trị báo cáo kỹ thuật và tình hình Công ty.

23.5. Nội dung: Các cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ tiến hành ngay sau khi ký các Công ty hoặc những khác tại Việt Nam hoặc nước ngoài theo quy định của Chức vụ Hội đồng và sơ đồ tổ chức Hội đồng Quản trị.

23.6. Thông báo và chương trình họp: Các cuộc họp phải tiến hành trên cơ sở thông báo cho các thành viên Hội đồng năm (05) ngày trước khi tổ chức, với điều kiện là các thành viên Hội đồng có thể tiếp nhận thông báo miệng bằng văn bản và sơ đồ tổ chức có thể có hình ảnh. Thông báo về cuộc họp Hội đồng sẽ phải làm bằng văn bản gửi tới các thành viên Hội đồng và phải thông báo về chương trình họp, thời gian, nội dung và phải kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phụ lục cho những thành viên Hội đồng không thể tham dự.

23.7. Sự thành viên tham dự tại hội: Cuộc họp có thể tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua hình thức đại diện thay thế.

23.8. Biểu quyết:

a. Trường hợp nghị quyết 23.8b nêu này, mỗi thành viên Hội đồng hoặc người biểu quyết trực tiếp có mặt với cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng sẽ có một phiếu biểu quyết.

b. Mỗi thành viên Hội đồng sẽ không biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc xuất nào mà thành viên đó hoặc bất kỳ người liên quan nào của thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Mỗi thành viên Hội đồng sẽ tính vào số người biểu quyết tại cuộc họp có mặt tại cuộc họp và bất kỳ quy định nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

c. Theo quy định tại khoản 23.8d của điều này, trong một cuộc họp của Hội đồng Quản trị, nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của bất kỳ thành viên nào mà những vấn đề đó không liên quan đến nguy cơ biểu quyết của thành viên Hội đồng thì những vấn đề sẽ chuyển từ cuộc họp và phán quyết của các thành viên liên quan đến các thành viên Hội đồng khác sẽ có giá trị là quyết định chung, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng liên quan chặt chẽ công bố một cách thích đáng.

d. Bất kỳ thành viên nào không liên quan đến quy định tại khoản 2 và khoản 3 điều 120 của Luật Doanh nghiệp sẽ coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng.

23.9. Tuyên bố lợi ích: Mỗi thành viên Hội đồng mà bằng cách này hay cách khác, trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến lợi ích hoặc giao dịch nào đó ký kết hoặc đang dự kiến với Công ty sẽ phải tuyên bố bằng văn bản, nội

dung của quy định đó trong cuộc họp mà Hội đồng Quản trị nêu lên xem xét và ký kết hợp đồng giao dịch này, nếu khi đó thành viên này đã biết là mình có lợi ích trong đó hoặc thành viên này có thể tuyên bố về lợi ích của mình trước Hội đồng Quản trị trước khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

23.10. Biện pháp : Hội đồng Quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng có mặt (trên 50%). Nếu số phiếu tán thành và phản đối bằng nhau, Chủ tịch sẽ là người có lá phiếu quyết định.

23.11. Về biện pháp quy tắc ứng xử : Thành viên Hội đồng Quản trị ứng xử có thể bị quy tắc ứng xử của Hội đồng bằng pháp luật bắt buộc. Những quy định bắt buộc này phải được chuyển tới Chủ tịch hoặc nếu không gửi cho Chủ tịch thì gửi cho Thủ ký không muộn hơn 01 giờ ngày trước khi diễn ra cuộc họp.

23.12. Hợp đồng miễn trừ trách nhiệm các hình thức khác: Một cuộc họp Hội đồng Quản trị có thể được tiến hành theo hình thức gì đó các thành viên của Hội đồng Quản trị mà tất cả hoặc một số thành viên vắng mặt khác nhau vì lý do gì đó là miễn thành viên tham gia họp có thể :

a. Nghe tiếng thành viên Hội đồng khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách riêng lẻ.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua miễn trừ trách nhiệm bằng phương tiện thông tin liên lạc khác (cho dù là bằng văn bản hoặc bằng điện thoại hoặc qua thư điện tử hay sau này miễn trừ trách nhiệm) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo quy định này, miễn trừ thành viên Hội đồng tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Một cuộc họp được tiến hành theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng Quản trị đồng nhất quyết định hoặc nếu không có mặt nhóm như vậy thì địa điểm mà chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm thực sự của cuộc họp.

Các nghị quyết được thông qua trong một cuộc họp thông qua miễn trừ trách nhiệm được tiến hành một cách hợp pháp sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp những quy định khác như bằng các chứng ký trong biên bản của miễn trừ thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp này.

23.13. Nghị quyết bắt buộc : Nghị quyết bắt buộc phải ký kết bởi tất cả những thành viên Hội đồng sau đây:

a. Những thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng;

b. Số lượng những thành viên có mặt không thể thấp hơn số lượng các thành viên tại buổi họp theo quy định tiến hành họp Hội đồng;

Loại nghị quyết này có hiệu lực và giá trị là một nghị quyết của các thành viên Hội đồng thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tiến hành

thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều hơn nửa số thành viên hiện tại của Hội đồng Quản trị.

23.14. Biên bản cuộc họp: Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của Hội đồng Quản trị cho những thành viên và những biên bản có liên quan để xem xét những bằng chứng xác thực về công việc đã thực hiện trong các cuộc họp trước khi có ý kiến phản ánh về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi. Các biên bản phải lập bằng tiếng Việt và phải ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp.

23.15. Những người có liên quan: Tổng Giám đốc, những cán bộ quản lý khác và các chuyên gia có liên quan bên ngoài có thể được Hội đồng Quản trị theo dõi nếu Hội đồng Quản trị không có biểu quyết từ chối khi bản thân họ có quyền biểu quyết như thành viên Hội đồng.

23.16. Các tiểu ban của Hội đồng Quản trị: Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền hành động và quyết định cho các tiểu ban trực thuộc bao gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng và một hoặc nhiều người khác ngoài Hội đồng nếu cho là phù hợp. Trong quá trình thực hiện quy định của pháp luật, mỗi tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng Quản trị đưa ra theo đúng thẩm quyền. Những quy định này có thể cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng Quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người có quyền biểu quyết với tư cách là thành viên của tiểu ban như (a) số lượng thành viên kết nạp thêm phải ít hơn một nửa tổng thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của tiểu ban đó sẽ không có hiệu lực nếu số thành viên có mặt tại cuộc họp thông qua nghị quyết đó không phải là thành viên Hội đồng Quản trị.

23.17. Giá trị pháp lý của hành động: Mọi hành động thực hiện theo quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của bất kỳ tiểu ban nào trực thuộc Hội đồng hoặc do bất kỳ người nào với tư cách thành viên tiểu ban đó sẽ được coi là có giá trị pháp lý mặc dù quá trình bầu, chọn thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng Quản trị có thể có những sai sót.

## Chương VIII

### TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THỰC KÝ CÔNG TY

#### Điều 24. Chức năng của bộ máy quản lý

Công ty sẽ phải ban hành một hệ thống quy định mà theo đó bộ máy quản lý chịu trách nhiệm và phân công lãnh đạo của Hội đồng Quản trị. Công ty có một Tổng Giám đốc, một Phó Tổng Giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị và do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn theo một nghị quyết được thông qua một cách hợp pháp.

#### Điều 25. Cán bộ quản lý

25.1. Theo nghị c a T ng Giám c và s ch p thu n c a H i ng Qu n tr , Công ty s có m t s l ng nh t nh các lo i cán b qu n lý c n thi t ho c thích h p th c hi n các c c u và thông l qu n lý Công ty do H i ng Qu n tr xu t tu t ng th i i m. Cán b qu n lý ph i có s m n cán c n thi t t ch c và ho t ng c a Công ty t c các m c tiêu ra.

25.2. M c l ng, t n thù lao, l i ích và các quy n l i khác c a cán b qu n lý c th hi n trong h p ng lao ng i v i t ng ng i. H p ng lao ng i v i T ng Giám c s ph i do H i ng Qu n tr ký và h p ng lao ng i v i nh ng cán b qu n lý khác s do T ng Giám c ký sau khi c H i ng Qu n tr phê chu n. Các thông tin v m c l ng, quy n l i c a cán b qu n lý ph i c báo cáo cho i h i ng c ông th ng niên và c nêu trong báo cáo hàng n m c a Công ty.

## **i u 26. B nhi m, mi n nhi m, nhi m v và quy n h n c a T ng Giám c**

26.1. B nhi m: H i ng Qu n tr s b nhi m m t thành viên trong H i ng ho c m t ng i khác làm T ng Giám c và s ký h p ng quy nh m c l ng, thù lao, l i ích và các i u kho n khác liên quan n vi c tuy n d ng. Thông tin v m c l ng, ph c p, quy n l i c a T ng Giám c ph i c báo cáo cho i h i ng c ông th ng niên và c nêu trong báo cáo hàng n m c a Công ty.

26.2. Nhi m k : C n c theo i u 21 c a i u l này, T ng Giám c có th không ph i là Ch t ch H i ng Qu n tr . Nhi m k c a T ng Giám c không quá n m (05) n m, tr khi H i ng Qu n tr có quy nh khác. Vi c tái b nhi m c phép th c hi n. Vi c b nhi m có th h t hi u l c c n c v ào các quy nh t i h p ng lao ng. T ng Giám c không c phép là nh ng ng i b pháp lu t c m gi ch c v này t c là nh ng ng i v thành niên, ng i không n ng l c hành vi, ng i ã b k t án tù, ng i ang thi hành hình ph t tù, nhân viên l c l ng v trang, các cán b công ch c nhà n c và ng i ã b phán quy t là ã làm cho công ty mà h t ng lãnh o tr c ây b phá s n.

26.3. Quy n h n và nhi m v , T ng Giám c có nh ng quy n h n và trách nhi m sau:

a. Th c hi n các ngh quy t c a H i ng Qu n tr và i h i ng c ông, k ho ch kinh doanh và k ho ch u t c a Công ty ã c H i ng Qu n tr và i h i ng c ông thông qua;

b. Quy t nh t t c các v n không c n ph i có quy t ngh c a H i ng Qu n tr , bao g m vi c thay m t Công ty ký k t các h p ng tài chính và th ng m i, t ch c và i u hành ho t ng s n xu t kinh doanh th ng nh t c a Công ty theo nh ng thông l qu n lý t t nh t;

c. Ki n ngh v s l ng và các lo i ch c danh cán b qu n lý mà Công ty c n thuê H i ng Qu n tr b nhi m ho c mi n nhi m khi c n thi t, th c hi n các thông l qu n lý t t nh t c ng nh các c c u do H i ng Qu n tr xu t và t v n cho H i ng Qu n tr quy t nh m c l ng, thù lao và các l i ích và các i u kho n khác c a h p ng lao ng c a cán b qu n lý;

d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị quy định số lượng lao động, mặt bằng, trang thiết bị, vốn, nhân lực và các yếu tố khác liên quan nhập lao động;

e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc phê duyệt trình Hội đồng Quản trị phê duyệt kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp công nghệ kế hoạch tài chính năm (05) năm;

f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm do Hội đồng và Hội đồng Quản trị thông qua;

g. Xuất nhập giấy phép nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và quản lý của Công ty;

h. Chuẩn bị các báo cáo tài chính dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là báo cáo tài chính) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Báo cáo tài chính hàng năm (bao gồm các Báo cáo tài chính, Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ kèm theo) cho năm tài chính và phê duyệt báo cáo thông tin quy định tại các quy định của Công ty sẽ trình cho Hội đồng Quản trị thông qua;

i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy định của Công ty, các quy định của Hội đồng Quản trị, nhập lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật.

26.4. Báo cáo Hội đồng Quản trị và các công việc: Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trình Hội đồng Quản trị và Hội đồng công việc về thực hiện nhiệm vụ, quy hoạch nhân lực giao và phê duyệt báo cáo cho những công việc quan trọng này khi cần yêu cầu.

26.5. Bổ nhiệm: Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm Tổng Giám đốc với ít nhất hai phần ba (2/3) thành viên Hội đồng bổ nhiệm quy định tán thành (không kể bổ nhiệm quy định của Tổng Giám đốc trong trường hợp này) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế. Tổng Giám đốc bổ nhiệm có quyền miễn nhiệm này từ Hội đồng công việc theo.

## **Điều 27. Thủ ký Công ty**

Hội đồng Quản trị sẽ chỉ định một Thủ ký công ty với nhiệm vụ và những yêu cầu theo quy định của Điều lệ. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm một Thủ ký công ty vào bất kỳ thời điểm nào nếu không trái với các quy định của pháp luật lao động hiện hành. Hội đồng Quản trị có thể hai hay nhiều người cùng làm Thủ ký công ty. Hội đồng Quản trị cũng có thể bổ nhiệm một thay thế Thủ ký công ty tu bổ thủ tục. Vai trò và nhiệm vụ của Thủ ký công ty bao gồm:

a. Trình các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Hội đồng công việc theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát;

b. Lập biên bản các cuộc họp;

c. Trình và vận chuyển các cuộc họp;

d. Cung cấp thông tin cho thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.

**Ch ng IX**  
**NHI M V C YTHÁC C A THÀNH VIÊN H I NG QU N**  
**TR , T NG GIÁM C VÀ CÁN B QU N LÝ**

**ì u 28. Trách nhi m c n tr ng c a thành viên H i ng Qu n tr , T ng Giám c và cán b qu n lý**

Thành viên H i ng Qu n tr , T ng Giám c và cán b qu n lý c u thác trách nhi m th c hi n các nhi m v c a mình, k c nh ng nhi m v v it cách thành viên các tỉ u ban c a H i ng Qu n tr m t cách trung th c và theo ph ng th c mà h tin là vì l i ích cao nh t c a Công ty và v i m t m c c n tr ng mà b t k m t ng i th n tr ng nào khác c ng c n ph i có khi m nhi m v trí t ng ng và trong hoàn c nh t ng t .

**ì u 29. Trách nhi m trung th c và tránh các xung t v quy n l i**

29.1. Thành viên H i ng Qu n tr , T ng Giám c và cán b qu n lý không c phép s d ng vì m c ích cá nhân nh ng c h i kinh doanh có th mang l i l i ích cho Công ty; ng th i không c s d ng các thông tin có c nh ch c v c a mình t l i cá nhân hay ph c v l i ích c a b t k t ch c, cá nhân nào khác.

29.2. Thành viên H i ng Qu n tr , T ng Giám c và cán b qu n lý có ngh a v thông báo cho H i ng Qu n tr m i l i ích có th gây xung t mà h có th c h ng thông qua các pháp nhân kinh t , các giao d ch ho c cá nhân khác. Nh ng i t ng này ch có th s d ng nh ng c h i ó khi các thành viên H i ng Qu n tr không có l i ích liên quan ã quy t nh không truy c u v n này.

29.3. Công ty không c phép c p các kho n n , b o lãnh, ho c tín d ng cho các thành viên H i ng Qu n tr , T ng Giám c, cán b qu n lý và gia ình c a h ho c b t k pháp nhân nào mà ó nh ng ng i này có các l i ích tài chính tr khi i h i ng c ông có quy t nh khác.

29.4. Theo ì u 120 c a Lu t Doanh nghi p, m t h p ng ho c giao d ch gi a Công ty v i m t ho c nhi u thành viên H i ng Qu n tr , T ng Giám c, cán b qu n lý ho c nh ng ng i liên quan n h ho c b t k Công ty, i tác, hi p h i, ho c t ch c nào khác mà ó m t ho c nhi u thành viên H i ng Qu n tr , cán b qu n lý ho c nh ng ng i liên quan n h là thành viên ho c có liên quan l i ích tài chính, s không b vô hi u hoá ch vì nh ng m i quan h v a nêu ho c ch vì thành viên H i ng Qu n tr ó ho c cán b qu n lý ó có m t ho c tham gia vào cu c h p liên quan ho c tham gia vào cu c h p H i ng Qu n tr hay tỉ u ban ã cho phép th c hi n h p ng ho c giao d ch ho c ch vì nh ng phi u b u c a h c ng c tính khi bi u quy t v m c ích ó, n u:

a. i v i h p ng có giá tr t 20% t ng giá tr tài s n c ghi trong s k toán c a Công ty tr xu ng, nh ng y u t quan tr ng v h p ng ho c giao d ch c ng nh các m i quan h và l i ích c a cán b qu n lý ho c thành viên H i ng Qu n tr ã c báo cáo cho H i ng Qu n tr ho c tỉ u ban liên quan. ng th i, H i ng Qu n tr ho c tỉ u ban ó ã cho phép th c hi n h p

ng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng các phi vụ tán thành của  
những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

b. Vì vì những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản  
ghi trong sổ kế toán của Công ty, những yêu cầu quản trị về hợp đồng hoặc  
giao dịch này cần những mối quan hệ và lợi ích của các cán bộ quản lý hoặc thành  
viên Hội đồng Quản trị của công bố cho các công đồng không có lợi ích liên  
quan có quy định về quy định và những công đồng đã bị phi vụ tán thành  
hợp đồng hoặc giao dịch này một cách trung thực;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó có một phần chi tiết về nội dung cho là  
công bố và hợp lý xét trên mối quan hệ liên quan của các công đồng của  
Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này của Hội đồng Quản trị  
hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng hay các công đồng cho phép thực hiện,  
thông qua hoặc phê chuẩn;

29.5. Không một thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, một cán  
bộ quản lý hay người có liên quan nào của công đồng mua hay bán hoặc giao  
dịch theo bất kỳ hình thức nào khác các công đồng của Công ty hoặc Công ty con  
của Công ty vào bất kỳ thời điểm nào, khi mà họ có công đồng thông tin chi  
tiết gây nên những giá trị của những công đồng phi vụ đó và các công đồng khác  
không bị thông tin này.

### **Điều 30. Trách nhiệm và bị trừng phạt**

30.1. Trách nhiệm: Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cán  
bộ quản lý vì phạm vi hành vi không trung thực, không hoàn thành  
nghĩa vụ của mình vì sự công nhận, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải  
chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi phạm của mình gây ra.

30.2. Bị trừng phạt: Công ty sẽ bị trừng phạt cho những người đã, đang và có  
nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khiếu nại,  
đang hoặc có thể xảy ra hành vi cho dù đây là vì lợi ích dân sự, hành chính (mà  
không phải là vì lợi ích kinh tế do Công ty thực hiện hay thu lợi nhuận  
của Công ty) nhưng đó là hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, cán bộ  
quản lý, nhân viên hoặc người di sản của Công ty (hay Công ty con  
của Công ty) hoặc người đó là hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay  
Công ty con của Công ty) với cách là thành viên Hội đồng Quản trị, cán bộ  
quản lý, nhân viên hoặc người di sản của một công ty, một tác  
liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí bị trừng phạt bao  
gồm: các chi phí phát sinh (kể cả thuế thu nhập), chi phí phán quyết, các khoản  
tổn thất, các khoản phí thanh toán phát sinh trong suốt hoặc coi là  
mức hợp lý khi quy định về việc này trong khuôn khổ luật pháp cho  
phép, vì lợi ích kinh tế là người đó đã hành vi trung thực, công nhận, mẫn cán và  
vận dụng chuyên môn theo những thực mà người đó tin tưởng rằng vì lợi  
ích hoặc không chấp nhận lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ pháp  
luật và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó vì phạm những  
trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó  
tránh những trách nhiệm bị trừng phạt nêu trên.

## Chương X BAN KIỂM SOÁT

### Điều 31. Nhiệm vụ Ban kiểm soát

31.1. Công ty có tối thiểu hai (2) thành viên phải có Ban kiểm soát và thành viên của Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều này, chủ yếu là những quy định và trách nhiệm sau đây:

a. Hội đồng Quản trị tham khảo ý kiến về việc chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mức liên quan nếu rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập;

b. Tholu nhân viên kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu kiểm toán;

c. Xin ý kiến từ các chuyên gia độc lập hoặc tư vấn pháp lý và mời mời tham gia của các chuyên gia bên ngoài Công ty về kinh nghiệm trình chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu cần thiết;

d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi trình Hội đồng Quản trị;

e. Tholu nhân viên nhân viên khó khăn và phát hiện các kết quả kiểm toán giả mạo hoặc sai sót nghiêm trọng mà Kiểm toán viên độc lập không bàn báo;

f. Xem xét thẩm quyền của Kiểm toán viên độc lập và ý kiến phê phán của ban quản lý Công ty;

g. Xem xét báo cáo của Công ty về các hình thức kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng Quản trị chấp thuận;

h. Xem xét những kết quả vi phạm và ý kiến phê phán của ban quản lý;

i. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc viên phạm vi phạm vi phạm của quy định quản lý Công ty quy định tại Điều 119 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản về Hội đồng Quản trị, yêu cầu ngay lập tức hành vi phạm vi phạm hành vi phạm và có ghi pháp khắc phục hậu quả.

31.2. Điều kiện, thẩm quyền của các thành viên vào Ban kiểm soát:

a. Mỗi thành viên nắm giữ trên 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong khoảng thời gian sáu (06) tháng liên tiếp trở lên, có quyền cầm cố phiếu vào Ban kiểm soát.

b. Những thành viên nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong khoảng thời gian sáu (06) tháng liên tiếp trở lên có thể tiếp tục nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết với nhau các thành viên vào Ban kiểm soát. Nếu tất cả các cổ phần có quyền biểu quyết của họ nằm trong khoảng từ 10% đến dưới 30% thì họ có quyền cầm cố (01) phiếu; nếu từ 30% đến dưới 50% họ có quyền cầm cố hai (02) phiếu; từ 50% đến 70% họ có quyền cầm cố ba (03) phiếu và trên 70% họ có quyền cầm cố bốn (04) phiếu.



31.3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan nhân hoặc của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thủ ký công ty phải bố trí nhân sự toàn bộ nhân sự sao chép các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng Quản trị sao chép cung cấp cho các thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng cũng cung cấp cho Hội đồng Quản trị.

31.4. Ban kiểm soát gồm có ba (03) thành viên, trong đó ít nhất phải có một (01) thành viên có chuyên môn về kế toán. Ban kiểm soát phải bầu một thành viên là công nhân của Công ty làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệt tử phối hợp Ban kiểm soát và nhân sự với cách là Chủ tịch Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan báo cáo thành viên của Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trình lên Hội đồng Công.

31.5. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát do Hội đồng Công quy định. Thành viên của Ban kiểm soát sẽ thanh toán các khoản chi phí lãi, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan nhân hoặc kinh doanh của Công ty.

31.6. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức họp của Ban nhân sự không chấp ít nhất hai (02) lần mỗi năm và số lượng thành viên tối thiểu phải có trong mỗi cuộc họp không chấp ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên của Ban kiểm soát.

31.7. Các thành viên của Ban kiểm soát do Hội đồng Công bổ nhiệm, có nhiệm kỳ không quá năm (05) năm và có thể bầu lại vào kỳ tiếp theo. Khi bầu thành viên của Ban kiểm soát, Công ty phải thực hiện mức tiêu ít nhất một phần ba (1/3) số thành viên Ban kiểm soát phải bầu vào hoặc bầu lại vào mỗi kỳ Hội đồng Công thường niên.

31.8. Mọi thành viên Ban kiểm soát không có mặt thành viên trong các trường hợp sau:

a. Thành viên vắng mặt pháp luật làm thành viên Ban kiểm soát;

b. Thành viên vắng mặt bị ngừng hoạt động báo cáo giám sát chính của Công ty;

c. Thành viên vắng mặt nhàn hạ sự lơ đãng tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ họ không còn có năng lực hành vi;

d. Thành viên vắng mặt liên tục trong vòng sáu (06) tháng không tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát mà không được phép của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát quy định rằng việc vắng mặt của họ đã bị trừ.

## **Ch ư ng XI** **QUY N Ị UTRAS SÁCH VÀ H Ị S C A CÔNG TY**

### **ị u 32. Quy n ị u tra s sách và h ị s**

32.1. M ị c ư ng ho c nhóm c ư ng c p trong ị u 19.3b và ị u 31.2b ư c có quy n tr c ti p ho c qua lu t s ho c ng ị c y quy n g ị m t v n b n yêu c ư c ki m tra trong gi ị làm vi c và ti ị a ị m kinh doanh chính c a Công ty danh sách các c ư ng, các biên b n h p ị h ị ng c ư ng và sao ch p ho c trích l c các h ị s ó. Yêu c ư ki m tra do phía lu t s ị di n ho c ị di n c y quy n khác c a c ư ng ph ị kèm theo gi y y quy n c a c ư ng mà ng ị ó ị di n ho c m t b n sao công ch ư ng c a gi y y quy n này.

32.2. Thành viên H ị ng Qu n tr , thành viên Ban ki m soát, T ư ng Giám c và cán b qu n lý có quy n ki m tra S ư ng ký c ư ng c a Công ty, danh sách c ư ng và nh ng s sách và h ị s khác c a Công ty vì nh ng m c ị ch liên quan t ị ch c v c a mình v ị ị u ki n các thông tin này ph ị c b o m t.

32.3. Công ty s ph ị l u ị u l này và nh ng b n s a ị, b sung ị u l , Gi y ch ư ng nh n ư ng ký kinh doanh, các quy ch , các tài li u ch ư ng minh quy n s h u tài s n, biên b n h p ị h ị ng c ư ng và H ị ng Qu n tr , các báo cáo c a Ban ki m soát, báo cáo tài chính hàng n m, s sách k toán và b t c gi y t nào khác theo qui nh c a pháp lu t t ị tr s chính ho c m t n ị khác v ị ị u ki n là các c ư ng và c quan ư ng ký kinh doanh c thông báo v ị a ị m l u tr các gi y t này.

32.4. M ị c ư ng ư c có quy n c Công ty c p m t b n sao ị u l công ty mi n phí. N ư Công ty có m t website, ị u l này ph ị c a lên website ó.

## **Ch ư ng XII** **NG Ị LAO NG VÀ CÔNG OÀN**

### **ị u 33. Ng ị lao ư ng và Công oàn**

T ư ng Giám c s ph ị l p k ho ch H ị ng Qu n tr thông qua v các v n liên quan n vi c tuy n d ư ng lao ư ng, bu c thôi vi c, ti n l ư ng, b o hi m xã h ị, phúc l ị, khen th ư ng và k lu t ị v ị cán b qu n lý và ng ị lao ư ng c ng nh nh ng m ị quan h c a Công ty v ị các t ch c Công oàn c công nh n theo các chu n m c, thông l v à chính sách qu n lý t t nh t, nh ng thông l v à chính sách qui nh t ị ị u l này, các quy ch c a Công ty và pháp lu t.

## Chương XIII PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

### Điều 34. Các quy định

34.1. Theo quy định của Điều lệ Công ty và theo quy định của pháp luật, các thành viên công ty và chi nhánh liên danh của Công ty không được vượt quá mức do Hội đồng Quản trị quyết định sau khi đã tham khảo ý kiến các công ty liên danh.

34.2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lợi của Công ty.

34.3. Trường hợp có các quy định kèm theo bất kỳ phần nào hoặc các điều khoản phát hành cổ phiếu có quy định khác, mức cổ tức (có tính đến những chi phí ưu đãi thanh toán hàng tháng trong thời gian cổ phiếu chi trả) của chi nhánh theo tỷ lệ phần trăm vốn góp của thành viên mua cổ phiếu đó trong giai đoạn chi trả cổ tức.

34.4. Công ty sẽ không trả lãi cho bất kỳ khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác có thể chi trả liên quan tới cổ phiếu.

34.5. Hội đồng Quản trị có thể quyết định chi trả cổ tức thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng tiền mặt (có thể bằng các cổ phiếu hoặc trái phiếu đã thanh toán hàng tháng mua do công ty khác phát hành) và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi quy định này.

34.6. Cổ tức hay khoản tiền khác liên quan tới cổ phiếu của công ty chi trả bằng tiền mặt sẽ được chi trả cho các thành viên của Công ty Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh rút tiền qua bưu điện tại địa chỉ đã ký các công thức hàng và nếu có rườm rà phát sinh thì công ty sẽ chi trả bằng tiền mặt. Ngoài ra, mức cổ tức cho các khoản tiền khác của chi nhánh bằng tiền mặt liên quan tới cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của công ty để được phép Công ty thực hiện việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của công ty. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do công ty cung cấp thì Công ty không chịu trách nhiệm về bất kỳ khoản tiền nào của Công ty chuyển cho công ty khác mà công ty đó không nhận được. Việc thanh toán cổ tức về các cổ phiếu niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc trung tâm lưu ký.

34.7. Nếu các điều lệ Công ty chi nhánh, Hội đồng Quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những quy định của pháp luật về cổ tức quy định của pháp luật về cổ tức bằng tiền mặt. Những quy định bổ sung này sẽ ghi là những quy định đã thanh toán hàng tháng mua trên cơ sở giá trị của các cổ phiếu thông bổ sung thay thế cho khoản cổ tức tiền mặt phải nộp về các thành viên của công ty theo số tính toán sát thực tế.

34.8. Công ty có thể tự doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết của mình có thể quyết định từ ngày chốt (ngày khóa sổ) làm ngày khóa sổ hoạt động kinh doanh của Công ty mà theo đó nghiệp vụ kế toán kế toán cách công đồng công nghiệp sử dụng các chương khoản khác nhau quy định về tài sản, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nghĩa vụ, thông báo hồ sơ tài liệu khác. Ngày khóa sổ này có thể là cùng ngày hoặc vào bất kỳ thời điểm nào trước khi việc nhận các quy định đó có thể hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quy định của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng công nghiệp hoặc chương khoản liên quan.

## **Chương XIV** **TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUẢN TRỊ, NỢ TÀI CHÍNH** **VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN**

### **Điều 35. Tài khoản ngân hàng**

35.1. Công ty sẽ mở tài khoản tại ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

35.2. Theo sự chấp thuận trước của các quan có thẩm quyền, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng nước ngoài theo các quy định của pháp luật, nếu thấy cần thiết.

35.3. Công ty sẽ tiến hành thực hiện các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tại Việt Nam hoặc quốc tế tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

### **Điều 36. Quản trị bổ sung vốn**

Hàng năm, Công ty sẽ trích lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào Quỹ bổ sung vốn theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không vượt quá năm phần trăm (05%) lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi Quỹ bổ sung 10% vốn của Công ty;

Việc trích lập và sử dụng các quỹ khác của Công ty do Hội đồng Quản trị trình Hội đồng công đồng xem xét và quyết định.

### **Điều 37. Nợ tài chính**

Nợ tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Nợ tài chính đầu tiên bắt đầu ngày Công ty chấp nhận Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy phép kinh doanh) và việc đăng ký ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày chấp nhận Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) đó.

### **Điều 38. Hệ thống kế toán**

38.1. Hệ thống kế toán Công ty sẽ dùng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

38.2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia.

Những hình thức này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải minh bạch và ghi trình các giao dịch của Công ty.

38.3. Công ty sẽ duy trì các tài khoản ngân hàng và tài khoản đầu tư trong kế toán.

## **Chương XV**

### **BÁO CÁO HÀNG NĂM, TRÁCH NHIỆM CÔNG BẰNG THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG**

#### **Điều 39. Báo cáo hàng năm**

39.1. Công ty sẽ phải chịu trách nhiệm báo cáo kế toán hàng năm theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp các quy định của Bộ Tài chính và phải kiểm toán theo quy định tại Điều 41 của Luật này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán công khai thông qua cơ quan thuế có thẩm quyền và cơ quan đăng ký kinh doanh.

39.2. Báo cáo kế toán hàng năm phải bao gồm một Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình tài sản và nợ của Công ty trong năm tài chính, một Bảng cân đối kế toán cho thấy một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho năm tài chính, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính. Nếu Công ty là một công ty mẹ thì ngoài báo cáo tài chính hàng năm còn phải bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con của nó vào cuối năm tài chính.

39.3. Một bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các công đồng, nếu Công ty có một trang Web trên mạng thì các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty phải được đăng lên trang Web.

39.4. Bất kỳ một thành viên nào quan tâm sẽ được quyền kiểm tra hoặc sao chép bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một chi phí hợp lý cho việc sao chép.

#### **Điều 40. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng**

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu cần thiết khác phải được công bố cho các công đồng và nộp cho cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

## **Chương XVI**

### **KIỂM TOÁN CÔNG TY**

#### **Điều 41. Kiểm toán**

41.1. Việc kiểm toán công đồng hàng năm, một công ty kiểm toán sẽ lập một phép hoạt động pháp tại Việt Nam sẽ thực hiện tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều

khoản và điều kiện thanh toán và vị Hội đồng Quản trị. Việc in m tài chính ưu tiên, Hội đồng Quản trị sẽ thông qua kế hoạch công ty kế toán tài chính hàng năm kế toán Công ty sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận kế hoạch kinh doanh.

41.2. Công ty sẽ phê duyệt và gửi báo cáo kế toán hàng năm cho Công ty kế toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

41.3. Công ty kế toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo kế toán hàng năm cho bất kỳ các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kế toán và trình bày báo cáo đó cho Hội đồng Quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

41.4. Mọi bản sao của báo cáo kế toán sẽ phải được gửi kèm với mọi báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

41.5. Kế toán viên chính và các kế toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp của Hội đồng Cổ đông và ủy quyền nhân các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Hội đồng Cổ đông mà Hội đồng Cổ đông ủy quyền và được phát biểu ý kiến về những vấn đề có liên quan đến kế toán.

## **Chương XVII CON Đ U**

### **Điều 42. Con đ u**

42.1. Hội đồng Quản trị sẽ thông qua mọi điều khoản chính thức của Công ty và con đ u được thực hiện theo quy định của luật pháp.

42.2. Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc sẽ điều hành và quản lý con đ u theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **Chương XVIII CH M D T H O T NG VÀ THANH LÝ**

### **Điều 43. Ch m d t h o t ng**

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- b. Bị giải thể theo quy định của Hội đồng Cổ đông;
- c. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Công ty theo quy định của pháp luật (kể cả giải thể do Hội đồng Cổ đông quyết định và quyết định này phải được thông báo đến các quan có thẩm quyền thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc)

**Điều 44. Trường hợp bắt buộc giải thể các thành viên Hội đồng Quản trị và Cổ đ ồng**

Tr khi i u l này có qui nh khác, các c ông n m gi m t n a s c ph n ang l u hành có quy n bi u quy t trong b u c thành viên H i ng Qu n tr có quy n n khi u n i t i Tòa án yêu c u gi i th chi u theo m t hay m t s các c n c sau:

44.1. Các thành viên H i ng Qu n tr không th ng nh t trong qu n lý các công vi c c a Công ty d n n tình tr ng không t c s phi u c n thi t theo qui nh H i ng Qu n tr ho t ng.

44.2. Các c ông không th ng nh t nên không th t c s phi u c n thi t theo qui nh ti n hành b u thành viên H i ng Qu n tr .

44.3. Có s b t ng n i b và hai ho c nhi u phe cánh c ông b chia r khi n cho vi c gi i th s là ph ng án có l i h n c cho toàn th c ông.

#### **i u 45. Thanh lý**

45.1. Ít nh t sáu (06) tháng tr c khi k t thúc th i h n ho t ng c a Công ty ho c sau khi có m t quy t nh gi i th Công ty, H i ng Qu n tr s ph i thành l p Ban thanh lý g m ba (03) thành viên. Hai thành viên trong ó do i h i ng c ông ch nh và m t thành viên do H i ng Qu n tr ch nh t m t Công ty ki m toán c l p. Ban thanh lý chu n b các quy ch ho t ng c a mình, các thành viên c a Ban thanh lý có th c l a ch n trong s nhân viên Công ty ho c chuyên gia c l p. T t c các chi phí liên quan n thanh lý s c Công ty u tiên thanh toán tr c các kho n n khác c a Công ty.

45.2. Ban thanh lý có trách nhi m báo cáo cho c quan ng ký kinh doanh v ngày c thành l p và ngày b t u ho t ng. K t th i i m ó, Ban thanh lý s thay m t Công ty trong t t c các công vi c liên quan n thanh lý Công ty tr c Tòa án và các c quan hành chính.

45.3. Tì n thu c t vi c thanh lý s c thanh toán theo th t sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Tì n l ng và chi phí b o hi m cho ng i lao ng;
- c. Thu và các kho n n p có tính ch t thu mà Công ty ph i tr cho Nhà n c;
- d. Các kho n vay (n u có);
- e. Các kho n n khác c a Công ty;

f. S d còn l i sau khi ã thanh toán m i kho n n t m c (a) n (e) trên ây s c phân chia cho các c ông. Các c ph n u ã s c u tiên thanh toán tr c.

### **Ch ng XIX GI I QUY T TRANH CH P N I B**

#### **i u 46. Gi i quy t tranh ch p n i b**

46.1. Khi phát sinh tranh ch p hay khi u n i có liên quan t i ho t ng c a Công ty hay t i quy n c a các c ông phát sinh t i u l này hay t b t

c quy n ho c ngh a v c qui nh trong Lu t Doanh nghi p hay các lu t khác ho c các qui nh hành chính, gi a:

(i). M t c ông hay các c ông v i Công ty; ho c

(ii). M t c ông hay các c ông v i H i ng Qu n tr , Ban ki m soát, T ng Giám c hay cán b qu n lý khác;

thì các bên liên quan s c g ng gi i quy t tranh ch p ó thông qua th ng l ng, hòa gi i. Tr tr ng h p tranh ch p liên quan t i H i ng Qu n tr hay Ch t ch H i ng Qu n tr , Ch t ch H i ng Qu n tr s ch trì vì c gi i quy t tranh ch p và s yêu c u m i bên trình bày các y u t th c ti n liên quan n tranh ch p trong vòng m i (10) ngày làm vi c k t ngày tranh ch p phát sinh. N u tranh ch p liên quan t i H i ng Qu n tr hay Ch t ch H i ng Qu n tr , b t c bên nào c ng có th yêu c u Ban ki m soát ho c Lu t s c a Công ty ch nh m t chuyên gia c l p hành ng v i t cách là tr ng tài cho quá trình gi i quy t tranh ch p.

46.2. N u không có quy t nh hòa gi i nào t c trong vòng sáu (06) tu n t khi b t u quá trình hòa gi i ho c n u quy t nh c a trung gian hòa gi i không c các bên ch p nh n, b t c bên nào c ng có th a tranh ch p ó ra Tr ng tài Th ng m i ho c Tòa án gi i quy t theo qui nh c a pháp lu t.

46.3. M i bên s t ch u chi phí c a mình có liên quan t i th t c th ng l ng, hòa gi i. Các chi phí c a Tr ng tài ho c Tòa án s do Tr ng tài ho c Tòa án phán quy t bên nào ph i ch u.

## **Ch ng XX** **S A I I U L**

### **i u 47. B sung, s a i i u l**

47.1. Vi c s a i, b sung i u l này ph i c i h i ng c ông xem xét quy t nh.

47.2. Trong tr ng h p có nh ng qui nh c a pháp lu t có li ên quan n ho t ng c a Công ty ch a c c p trong b n i u l này ho c trong tr ng h p có nh ng qui nh m i c a pháp lu t khác v i nh ng i u kho n trong i u l này thì nh ng qui nh c a pháp lu t ó ng nhiên c áp d ng và i u ch nh ho t ng c a Công ty.

## **Ch ng XXI** **NGÀY HI U L C**

### **i u 48. Ngày hi u l c**

48.1. B n i u l này g m 21 ch ng, 49 i u c i h i ng c ông thành l p Công ty C ph n C khí i n l c thông qua ngày 11 tháng 3 n m 2005 và c s a i, b sung thông qua i h i ng c ông th ng niên ngày 25 tháng 3 n m 2007 và cùng ch p thu n hi u l c toàn v n c a i u l này.

48.2. i u l này c l p thành 10 b n, có giá tr nh nhau, trong ó:



**a. 01 b n n p t i Phòng Công ch ng Nhà n c Thành ph Hà N i;**

b. 05 b n ng ký t i c quan chính quy n theo qui nh c a y ban nhân dân Thành ph Hà N i;

c. 04 b n l u tr t i V n phòng Công ty.

48.3. i u l này là duy nh t và chính th c c a Công ty.

48.4. Các b n sao ho c trích l c i u l Công ty ph i có ch ký c a Ch t ch H i ng Qu n tr ho c ít nh t 1/2 t ng s thành viên H i ng Qu n tr m i có giá tr .

**i u 49. Ch ký c a i di n theo pháp lu t Công ty c ph n C khí i n l c**

**Ph 1 c 01**  
**DANH SÁCH C ÔNG SÁNG L P CÔNG TY C PH N C KHÍ I NL C**

| TT | Tên công sáng l p                                       | Ngày tháng n m sinh i vic ông sáng l p là cá nhân | Gi i tính | Qu c t ch | Dân t c | Ch hi n t i i v i c ông sáng l p là cá nhân        | N i ng ký h kh u th ng trú i v i cá nhân ho c a ch tr s chính i v i t ch c | S , ngày, n i c p CMND ho ch chi u i v i cá nhân ho c Gi y CN KKD i v i doanh nghi p ho c quy t nh thành l p i v i t ch c khác | V n góp       |                   |         |             |                   |        |                   |         | Th i m góp v n | Ch ký c a c ông sáng l p |
|----|---|---|-----------|-----------|---------|--|--|--|---------------|-------------------|---------|-------------|-------------------|--------|-------------------|---------|----------------|--------------------------|
|    |   |   |           |           |         |  |  |  | T ng s c ph n |                   | S h v n | Lo i c ph n |                   |        |                   |         |                |                          |
|    |   |   |           |           |         |  |  |  |               |                   |         | Ph thông    |                   | u ãi   |                   |         |                |                          |
|    |   |   |           |           |         |  |  |  | S l ng        | Giá tr (tri u ng) |         | S l ng      | Giá tr (tri u ng) | S l ng | Giá tr (tri u ng) |         |                |                          |
| A  | B   | C   | D         | E         | F       | G  | H  | I  | J             | K                 | L       | M           | N                 | O      | P                 | Q       | R              |                          |
| 1  | T p oàn i n l c Vi t Nam ( i đi n qu n lý ph n v n góp) |   |           |           |         |  | 18 Tr n Nguyễn Hân, qu n Hoàn Kì m, Hà N i                                 | S KKD: 109667 do y ban K ho ch Nhà n c c p ngày 19/12/1994   | 1.020.000     | 10.200            | NN      | 1.020.000   | 10.200            | -      | -                 | 11/2004 |                |                          |
|    | Lê nh   | 31/3/1952   | Nam       | Vi t Nam  | Kinh    | S 2/129 Trung T , ng a, Hà N i                     | S 2/129 Trung T , ng a, Hà N i   | 011212733 do Công an Hà N i c p ngày 10/5/2002   |               |                   |         |             |                   |        |                   |         |                |                          |
|    | Nguy n c L i  | 06/9/1950   | Nam       | Vi t Nam  | Kinh    | S 6, ng Thiên c, th tr n Yên Viên, Gia Lâm, Hà N i | T p th Nhà máy C khí Yên Viên, Gia Lâm, Hà N i                             | 010630859 do Công an Hà N i c p ngày 01/7/2000   |               |                   |         |             |                   |        |                   |         |                |                          |

| A | B                | C          | D   | E           | F    | G   | H   | I  | J       | K       | L  | M       | N       | O | P | Q       | R |  |
|---|------------------|------------|-----|-------------|------|---|---|--|---------|---------|----|---------|---------|---|---|---------|---|--|
|   | Ph m Thu<br>H ng | 16/02/1963 | N   | Vi t<br>Nam | Kinh | Thôn Kim<br>Quan, xã<br>Yên Viên,<br>Gia Lâm,<br>Hà N i                 | Thôn Kim<br>Quan, xã<br>Yên Viên,<br>Gia Lâm,<br>Hà N i       | 012034948<br>do Công an<br>Hà N i c p<br>ngày<br>10/6/1997 |         |         |    |         |         |   |   |         |   |  |
| 2 | Nguy n<br>c L i  | 06/9/1950  | Nam | Vi t<br>Nam | Kinh | S 6,<br>ng<br>Thiên<br>c, th<br>tr n Yên<br>Viên, Gia<br>Lâm, Hà<br>N i | T p th<br>Nhà máy<br>C khí Yên<br>Viên, Gia<br>Lâm, Hà<br>N i | 010630859<br>do Công an<br>Hà N i c p<br>ngày<br>01/7/2000 | 10.000  | 100     | TN | 10.000  | 100     | - | - | 11/2004 |   |  |
| 3 | Lê Minh<br>H i   | 20/02/1961 | Nam | Vi t<br>Nam | Kinh | S 9/144<br>ng<br>Ngô Gia<br>T , Qu n<br>Long<br>Biên, Hà<br>N i         | T p th<br>Nhà máy<br>C khí Yên<br>Viên, Gia<br>Lâm, Hà<br>N i | 011720941<br>do Công an<br>Hà N i c p<br>ngày<br>18/4/2007 | 124.910 | 1.249,1 | TN | 124.910 | 1.249,1 | - | - | 7/2009  |   |  |
| 4 | Ph m Thu<br>H ng | 16/02/1963 | N   | Vi t<br>Nam | Kinh | Thôn Kim<br>Quan, xã<br>Yên Viên,<br>Gia Lâm,<br>Hà N i                 | Thôn Kim<br>Quan, xã<br>Yên Viên,<br>Gia Lâm,<br>Hà N i       | 012034948<br>do Công an<br>Hà N i c p<br>ngày<br>10/6/1997 | 15.980  | 159,8   | TN | 15.980  | 159,8   | - | - | 7/2009  |   |  |
| 5 | Lê nh            | 31/3/1952  | Nam | Vi t<br>Nam | Kinh | S 2/129<br>Trung T ,<br>ng a,<br>Hà N i                                 | S 2/129<br>Trung T ,<br>ng a,<br>Hà N i                       | 011212733<br>do Công an<br>Hà N i c p<br>ngày<br>10/5/2002 | 7.000   | 70      | TN | 7.000   | 70      | - | - | 11/2004 |   |  |
| 6 | Nguy n<br>T t t  | 22/9/1950  | Nam | Vi t<br>Nam | Kinh | T p th<br>Nhà máy<br>C khí<br>Yên Viên,<br>Gia Lâm,<br>Hà N i           | T p th<br>Nhà máy<br>C khí Yên<br>Viên, Gia<br>Lâm, Hà<br>N i | 011619569<br>do Công an<br>Hà N i c p<br>ngày<br>23/7/2002 | 5.050   | 50,5    | TN | 5.050   | 50,5    |   |   | 11/2004 |   |  |

| A  | B               | C          | D   | E        | F    | G   | H   | I   | J      | K    | L  | M      | N    | O | P | Q       | R |
|----|-----------------|------------|-----|----------|------|---|---|---|--------|------|----|--------|------|---|---|---------|---|
| 7  | ào Quốc Tuấn    | 09/3/1952  | Nam | Việt Nam | Kinh | Phù ng, Gia Lâm, Hà Nội                                     | Phù ng, Gia Lâm, Hà Nội                       | 010649067 do Công an Hà Nội cấp ngày 13/10/2000 | 14.800 | 148  | TN | 14.800 | 148  |   |   | 7/2009  |   |
| 8  | Lê Văn Tính     | 14/02/1954 | Nam | Việt Nam | Kinh | Số 8, ngõ 78 Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội | Khí u ng, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội           | 011212616 do Công an Hà Nội cấp ngày 25/6/2001  | 5.000  | 50   | TN | 5.000  | 50   |   |   | 11/2004 |   |
| 9  | Vũ Ngọc Âm      | 07/11/1955 | Nam | Việt Nam | Kinh | Tp th Nhà máy C khí Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội               | Tp th Nhà máy C khí Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội | 010648667 do Công an Hà Nội cấp ngày 01/4/2005  | 5.000  | 50   | TN | 5.000  | 50   |   |   | 11/2004 |   |
| 10 | Nguyễn Văn Hùng | 21/3/1957  | Nam | Việt Nam | Kinh | Thôn Th ng, D ng Hà, Gia Lâm, Hà Nội                        | Thôn Th ng, D ng Hà, Gia Lâm, Hà Nội          | 012516122 do Công an Hà Nội cấp ngày 17/4/2002  | 5.000  | 50   | TN | 5.000  | 50   |   |   | 11/2004 |   |
| 11 | Lưu Xuân Thọ    | 22/01/1964 | Nam | Việt Nam | Kinh | Tp th Nhà máy C khí Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội               | Tp th Nhà máy C khí Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội | 010648808 do Công an Hà Nội cấp ngày 06/8/2001  | 7.990  | 79,9 | TN | 7.990  | 79,9 |   |   | 7/2009  |   |
| 12 | Vũ Anh Tuấn     | 16/11/1969 | Nam | Việt Nam | Kinh | Tp th Nhà máy C khí Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội               | P12-B12 Kim Liên, ng a, Hà Nội                | B3133941 cấp ngày 19/5/2009                     | 6.100  | 61   | TN | 6.100  | 61   |   |   | 7/2009  |   |